

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---



ISO 9001:2008

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Vũ Hải Yến  
Giảng viên hướng dẫn: TS. Nguyễn Thị My**

**HẢI PHÒNG - 2013**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIÊN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU,  
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH  
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI  
CHUNG ANH**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Vũ Hải Yến  
Giảng viên hướng dẫn: TS. Nguyễn Thị Mỹ**

**HẢI PHÒNG – 2013**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Vũ Hải Yến

Mã SV:1354010196

Lớp: QT1307K

Ngành : Kế Toán -Kiểm

Toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định  
kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại Chung

Anh

# NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

( về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

.....

.....

.....

## CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

### Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

### Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 25 tháng 03 năm 2013

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 29 tháng 06 năm 2013

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Người hướng dẫn*

*Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2013*

**Hiệu trưởng**

**GS.TS. NGUYỄN Trần Hữu Nghị**

**PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN**

**1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):**

.....  
.....  
.....

*Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2013*

**Cán bộ hướng dẫn**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

## MỤC LỤC

<b>LỜI NÓI ĐẦU .....</b>	<b>1</b>
<b>CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP .....</b>	<b>4</b>
<b>1.1 Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....</b>	<b>4</b>
<i>1.1.1 Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp.....</i>	<i>4</i>
<i>1.1.2. Các khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....</i>	<i>5</i>
<i>1.1.2.1. Doanh thu.....</i>	<i>5</i>
<i>1.1.2.2. Chi phí.....</i>	<i>11</i>
<i>1.1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh .....</i>	<i>14</i>
<i>1.1.3. Nhiệm vụ của tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD.....</i>	<i>15</i>
<b>1.2. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh</b>	<b>16</b>
<i>1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ .....</i>	<i>16</i>
<i>1.2.1.1. Chứng từ sử dụng.....</i>	<i>16</i>
<i>1.2.1.2. Tài khoản sử dụng.....</i>	<i>17</i>
<i>1.2.1.3. Phương pháp hạch toán.....</i>	<i>18</i>
<i>1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu .....</i>	<i>20</i>
<i>1.2.2.1. Chứng từ sử dụng.....</i>	<i>20</i>
<i>1.2.2.2. Tài khoản sử dụng.....</i>	<i>20</i>
<i>1.2.2.3. Phương pháp hạch toán.....</i>	<i>21</i>
<i>1.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán.....</i>	<i>22</i>
<i>1.2.3.1. Chứng từ sử dụng.....</i>	<i>22</i>
<i>1.2.3.2. Tài khoản sử dụng.....</i>	<i>23</i>
<i>1.2.3.3. Phương pháp hạch toán.....</i>	<i>23</i>
<i>1.2.4. Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp .....</i>	<i>26</i>
<i>1.2.4.1. Chứng từ sử dụng.....</i>	<i>26</i>
<i>1.2.4.2. Tài khoản sử dụng.....</i>	<i>26</i>
<i>1.2.4.3. Phương pháp hạch toán.....</i>	<i>27</i>
<i>1.2.5. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính .....</i>	<i>30</i>

1.2.5.1. Chứng từ sử dụng.....	30
1.2.5.2. Tài khoản sử dụng.....	30
1.2.5.3. Phương pháp hạch toán.....	30
<b>1.2.6. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác .....</b>	<b>32</b>
1.2.6.1. Chứng từ sử dụng.....	32
1.2.6.2. Tài khoản sử dụng.....	32
1.2.6.3. Phương pháp hạch toán.....	32
<b>1.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh .....</b>	<b>34</b>
1.2.7.1. Chứng từ sử dụng.....	34
1.2.7.2. Tài khoản sử dụng.....	34
1.2.7.3. Phương pháp hạch toán.....	34
<b>1.3. Các hình thức ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....</b>	<b>35</b>
1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung.....	35
1.3.1.1. Đặc điểm .....	35
1.3.1.2. Sổ sách sử dụng .....	35
1.3.1.3. Trình tự ghi sổ kế toán.....	36
1.3.2 Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái.....	37
1.3.2.1 Đặc điểm .....	37
1.3.2.2 Sổ sách sử dụng .....	37
1.3.3 Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.....	38
1.3.4 Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ.....	38
1.3.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	39
<b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI CHUNG ANH.....</b>	<b>40</b>
<b>2.1 Tổng quan về Công ty cổ phần thương mại Chung Anh .....</b>	<b>40</b>
2.1.1 Thông tin chung về Công ty cổ phần thương mại Chung Anh .....	40
2.1.2 Quá trình hình thành và phát triển của Công ty cổ phần thương mại Chung Anh .....	41
2.1.3 Đặc điểm cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần thương mại Chung Anh.....	44
2.1.4 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của Công ty cổ phần thương mại Chung Anh .....	45
2.1.4.1 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của Công ty cổ phần thương mại Chung Anh.....	45



2.1.4.2 Hình thức ghi sổ kế toán và các chính sách kế toán của Công ty cổ phần thương mại Chung Anh.....	46
<b>2.2 Thực trạng về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại Chung Anh.....</b>	<b>48</b>
<b>2.2.1 Thực trạng công tác kế toán doanh thu bán hàng và doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty cổ phần thương mại Chung Anh.....</b>	<b>48</b>
2.2.1.1 Đặc điểm doanh thu tại Công ty.....	48
2.2.1.2 Tài khoản sử dụng tại Công ty.....	51
2.2.1.3 Sổ sách kế toán sử dụng tại Công ty.....	51
2.2.1.4 Trình tự ghi sổ kế toán tại Công ty.....	51
<b>2.2.2 Thực trạng công tác kế toán giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty cổ phần thương mại Chung Anh.....</b>	<b>56</b>
2.2.2.1 Thực trạng công tác kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty cổ phần thương mại Chung Anh.....	56
2.2.2.2 Tài khoản sử dụng tại Công ty.....	60
2.2.2.3 Sổ sách kế toán sử dụng tại Công ty.....	60
2.2.2.4 Trình tự ghi sổ kế toán tại Công ty.....	60
<b>2.2.3 Thực trạng công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại Chung Anh.....</b>	<b>66</b>
2.2.3.1 Đặc điểm công tác xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại Chung Anh.....	66
2.2.3.2 Chứng từ sử dụng tại Công ty.....	66
2.2.3.3 Tài khoản sử dụng tại Công ty.....	67
2.2.3.4 Sổ sách kế toán sử dụng tại Công ty.....	67
2.2.3.5 Trình tự ghi sổ kế toán tại Công ty.....	67
<b>CHƯƠNG 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI CHUNG ANH.....</b>	<b>73</b>
<b>3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại Chung Anh.....</b>	<b>73</b>
<b>3.1.1 Ưu điểm.....</b>	<b>73</b>
3.1.1.1 Về tổ chức bộ máy kế toán.....	73
3.1.1.2 Về hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách sử dụng.....	74
3.1.1.3 Về bộ máy quản lý.....	74
<b>3.1.2 Hạn chế.....</b>	<b>75</b>

<b>3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại Chung Anh .....</b>	<b>76</b>
<b>3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện .....</b>	<b>76</b>
<b>3.2.2. Yêu cầu hoàn thiện .....</b>	<b>77</b>
<b>3.2.3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh .....</b>	<b>78</b>
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>95</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>97</b>

## LỜI NÓI ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Do sự phát triển của khoa học kỹ thuật công nghệ và do áp dụng những thành quả đó vào sản xuất kinh doanh mà nền công nghiệp trên thế giới phát triển như vũ bão. Cũng vì đó mà nhiều ngành nghề phát triển và mở rộng, nhiều doanh nghiệp thương mại và dịch vụ ra đời phát triển bên cạnh những doanh nghiệp sản xuất. Với tất cả các doanh nghiệp thì vấn đề hàng đầu mà doanh nghiệp nào cũng quan tâm đó là làm thế nào để lợi nhuận của doanh nghiệp đạt được là tối ưu. Để biết được điều đó thì bộ phận kế toán phải xác định được lợi nhuận thực hiện của doanh nghiệp. Do đó, muốn xác định được nhanh chóng và chính xác lợi nhuận thực hiện trong kỳ, đòi hỏi công tác hạch toán kế toán phải đầy đủ và kịp thời. Vì vậy kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một công việc hết sức quan trọng trong hệ thống kế toán của doanh nghiệp. Mọi hoạt động, mọi nghiệp vụ phát sinh trong doanh nghiệp đều được hạch toán để đi đến công việc cuối cùng là xác định kết quả kinh doanh, từ kết quả kinh doanh sẽ làm căn cứ cho nhà quản lý biết được quá trình hoạt động của doanh nghiệp có đạt hiệu quả hay không và lời lỗ thế nào từ đó định hướng cho tương lai. Trong nền kinh tế thị trường lợi nhuận vừa là điều kiện, vừa là một quá trình tái sản xuất mở rộng, nó quyết định sự tồn tại và phát triển các doanh nghiệp. Vì vậy có thể nói nhiệm vụ chính nói chung đối với các doanh nghiệp hoạt động trong cơ chế thị trường là sắp xếp bố trí hợp lý các nguồn lực mà doanh nghiệp có được, tổ chức sản xuất kinh doanh một cách có hiệu quả nhất để có thể tối đa hoá lợi nhuận. Do đó em quyết định chọn đề tài: “ Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại Chung Anh”.

## **2. Mục đích nghiên cứu**

- Hệ thống hoá lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại và dịch vụ
- Nắm bắt được thực trạng về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại Chung Anh
- Từ đó có thể rút ra những ưu điểm, nhược điểm của hệ thống kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty để đề xuất những kiến nghị nhằm từng bước hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại Chung Anh

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài**

3.1 Đối tượng nghiên cứu: Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

3.2 Phạm vi nghiên cứu: Đề tài chỉ nghiên cứu trong phạm vi hoạt động của Công ty cổ phần thương mại Chung Anh, việc phân tích lấy số liệu của năm 2012.

## **4. Phương pháp nghiên cứu**

- Phương pháp thu thập số liệu ở đơn vị thực tập
- Phương pháp phân tích số liệu ghi chép trên sổ sách của đơn vị (sổ chi tiết, sổ tổng hợp, báo cáo tài chính)
- Phương pháp chuyên gia: phỏng vấn lãnh đạo của công ty, những người làm công tác kế toán
- Phương pháp tổng hợp dữ liệu

## **5. Kết cấu của đề tài**

Đề tài nghiên cứu gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại Chung Anh

Chương 3: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại Chung Anh.

**CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC  
CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH  
KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP**

**1.1 Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp**

***1.1.1 Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp***

Tổ chức công tác kế toán nói chung và tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng có một vai trò vô cùng quan trọng không chỉ đối với mỗi doanh nghiệp mà còn đối với các đối tượng khác như là các nhà đầu tư, các trung gian tài chính hay đối với các cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế.

❖ Đối với các doanh nghiệp:

Việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp cho doanh nghiệp:

- Xác định hiệu quả của từng loại hoạt động trong doanh nghiệp.
- Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh.
- Có căn cứ để thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước, thực hiện việc phân phối cũng như tái đầu tư sản xuất kinh doanh.
- Kết hợp các thông tin thu thập được với các thông tin khác để đề ra chiến lược, giải pháp sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất trong tương lai.

❖ Đối với Nhà nước:

Việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cũng có ý nghĩa quan trọng đối với Nhà nước:

- Trên cơ sở các số liệu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp cơ quan thuế xác định các khoản thuế phải thu, đảm bảo nguồn thu cho Ngân sách quốc gia. Từ đó, Nhà nước tái đầu tư vào cơ sở hạ tầng, đảm bảo điều kiện về Chính trị - An ninh - Xã hội tốt nhất.

- Thông qua tình hình thực hiện nghĩa vụ với nhà nước của các doanh nghiệp, các nhà hoạch định chính sách quốc gia sẽ có cơ sở để đề ra các giải pháp phát triển nền kinh tế thông qua chính sách tiền tệ, chính sách thuế và các khoản trợ cấp, trợ giá.

❖ Đối với nhà đầu tư:

Thông qua các chỉ tiêu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trên các báo cáo tài chính các nhà đầu tư sẽ phân tích đánh giá tình hình hoạt động của doanh nghiệp để có các quyết định đầu tư đúng đắn.

❖ Đối với các tổ chức tài chính trung gian:

Các số liệu về doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là căn cứ để ra quyết định cho vay vốn đầu tư.

❖ Đối với nhà cung cấp:

Kết quả kinh doanh, lịch sử thanh toán là căn cứ để quyết định cho doanh nghiệp chậm thanh toán hoặc trả góp.

### ***1.1.2. Các khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh***

#### ***1.1.2.1. Doanh thu***

##### **a. Khái niệm**

Doanh thu: Là tổng hợp các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

### b. Các loại doanh thu

\* Doanh thu bán hàng : Là toàn bộ số tiền thu được, hoặc sẽ thu được từ các giao dịch nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hoá cho khách hàng bao gồm cả các phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

\* Doanh thu tiêu thụ nội bộ : Là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

\* Doanh thu hoạt động tài chính : Doanh thu hoạt động tài chính là số tiền thu được từ các hoạt động đầu tư tài chính hoặc kinh doanh về vốn mang lại như lãi tiền gửi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: Tiền lãi, thu nhập từ cho thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản; Cổ tức, lợi nhuận được chia; thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; thu nhập chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng; thu nhập về các hoạt động đầu tư khác...

\* Thu nhập khác : Là những khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc có dự tính đến nhưng ít khả năng thực hiện hoặc là những khoản không mang tính chất thường xuyên.

Thu nhập khác của doanh nghiệp bao gồm: Khoản thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ; thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý, xoá sổ; các khoản thuế được NSNN hoàn lại; thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ; các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hoá, sản phẩm dịch vụ không tính vào doanh thu (nếu có); thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp; các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót hay quên ghi sổ kế toán, năm nay mới phát hiện ra...



c. Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã trao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

d. Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

e. Nguyên tắc hạch toán doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như: bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư; cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).
- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT.

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ không thuộc chịu thuế GTGT hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.
- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu).
- Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hoá thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.
- Đối với hàng hoá nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.
- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.
- Đối với doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước, được Nhà nước trợ cấp, trợ giá theo qui định thì doanh thu trợ cấp, trợ giá là số tiền được Nhà nước chính thức thông báo hoặc thực tế trợ cấp, trợ giá.
- Đối với trường hợp cho thuê hoạt động tài sản, bất động sản đầu tư có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư ghi nhận của năm tài chính được xác định trên cơ sở lấy tổng số tiền nhận được chia cho số kỳ nhận trước tiền.

f. Các phương thức tiêu thụ hàng hóa

\*Phương thức bán hàng trực tiếp: Là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại phân xưởng sản xuất (không qua kho) của doanh nghiệp. Sản phẩm khi bàn giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ và đơn vị bán mất quyền sở hữu về số hàng này, Bán hàng trực tiếp còn bao gồm bán buôn và bán lẻ, trong đó:

+ Bán buôn : Là các quá trình bán hàng cho các doanh nghiệp thương mại, các

tổ chức kinh tế khác. Kết thúc quá trình bán buôn hàng hoá vẫn trong lĩnh vực lưu thông chưa đi vào lĩnh vực tiêu dùng, giá trị và giá trị sử dụng của hàng hoá chưa được thực hiện hoàn toàn. Đặc điểm của bán buôn thường là bán khối lượng lớn, được tiến hành theo các hợp đồng kinh tế.

+ Bán lẻ : Là giai đoạn cuối cùng của quá trình vận động hàng hoá từ nơi sản xuất đến nơi tiêu dùng. Thời điểm xác định tiêu thụ là khi doanh nghiệp mất đi quyền sở hữu hàng hoá và được quyền sở hữu tiền tệ.

\*Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng: Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trên hợp đồng. Số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán. Khi được người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng chuyển giao (một phần hay toàn bộ) thì lượng hàng được người mua chấp nhận đó mới được coi là tiêu thụ.

\*Phương thức bán hàng qua đại lý: Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng giao cho bên nhận đại lý (bên đại lý) để bán. Số hàng này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên chủ hàng cho đến khi chính thức tiêu thụ. Bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

\*Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp: Theo phương thức này, khi giao hàng cho người mua, thì lượng hàng chuyển giao được coi là tiêu thụ, người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua một phần. Số tiền còn lại người mua sẽ trả dần và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Thông thường số tiền trả ở các kỳ bằng nhau, trong đó bao gồm một phần doanh thu gốc và một phần lãi suất trả chậm.

\*Phương thức hàng đổi hàng: Là phương thức mà doanh nghiệp mang sản phẩm của mình đi đổi lấy vật tư, hàng hóa không tương tự. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư hàng hóa trên thị trường.

\*Phương thức tiêu thụ nội bộ: Tiêu thụ nội bộ là việc mua, bán sản phẩm, hàng hóa dịch vụ giữa đơn vị chính với đơn vị trực thuộc hoặc giữa các đơn vị trực thuộc với nhau trong cùng một tổng công ty, một tập đoàn, một xí nghiệp....

g. Các khoản giảm trừ doanh thu

- Chiết khấu thương mại : Là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng hoá, dịch vụ với khối lượng lớn theo thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trong hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng.

- Hàng bán bị trả lại : Là giá trị khối lượng hàng đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và bị từ chối thanh toán do các nguyên nhân: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại quy cách. Giá trị của hàng hoá bị trả lại phản ánh trên tài khoản này sẽ điều chỉnh doanh thu bán hàng thực tế thực hiện trong kỳ kinh doanh để tính doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm hàng hoá đã bán ra trong kỳ báo cáo.

- Giảm giá hàng bán : Là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) chấp thuận một cách đặc biệt trên giá bán đã thoả thuận trong hoá đơn, vì lý do hàng bán kém phẩm chất, không đúng quy cách đã ghi trong hợp đồng.

h. Nguyên tắc hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu:

- Chỉ hạch toán vào khoản chiết khấu thương mại nếu như khoản chiết khấu thương mại được trừ ngoài hoá đơn.
- Chỉ được hạch toán vào khoản chiết khấu thương mại nếu như doanh nghiệp có những quy định về chiết khấu thương mại.
- Chỉ hạch toán vào tài khoản hàng bán bị trả lại khi có văn bản đề nghị của người mua ghi rõ lý do trả lại hàng, số lượng, giá trị hàng bị trả lại, đính kèm hoá đơn (nếu trả lại toàn bộ) hoặc bản sao hợp đồng (nếu trả lại một phần hàng) và đính kèm chứng từ nhập lại kho của doanh nghiệp đối với số hàng nói trên.
- Chỉ phản ánh vào TK giảm giá hàng bán do việc chấp thuận giảm giá ngoài hoá đơn, tức là sau khi đã có hoá đơn bán hàng và đã được trừ vào tổng giá trị ghi trên hoá đơn.

### *1.1.2.2. Chi phí*

a. Khái niệm chi phí.

- Chi phí : Là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu.

b. Các loại chi phí.

- \*Giá vốn hàng bán: Là trị giá thực tế xuất kho của sản phẩm, hàng hoá (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hoá đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại ) hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Các phương pháp tính giá vốn hàng bán:

Giá vốn hàng xuất kho được tính theo 1 trong 4 phương pháp sau:

- Phương pháp nhập trước - xuất trước (FIFO)

Theo phương pháp này kế toán giả định lượng hàng nhập trước sẽ được xuất trước, Xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau. Giá thực tế của hàng nhập trước sẽ được dùng là giá để tính giá thực tế hàng xuất trước. Như vậy, giá trị hàng tồn cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số hàng nhập kho thuộc lần cuối cùng hoặc gần cuối kỳ.

- Phương pháp nhập sau - xuất trước (LIFO)

Theo phương pháp này kế toán giả định hàng nhập sau cùng sẽ được xuất trước tiên. Xuất hết số nhập sau mới đến số nhập trước. Giá thực tế của hàng nhập sau sẽ được dùng là giá để tính giá thực tế hàng xuất trước. Như vậy, giá trị hàng tồn cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số hàng nhập kho thuộc lần đầu hoặc gần đầu kỳ.

- Phương pháp thực tế đích danh

Theo phương pháp này, giá của từng loại hàng sẽ được giữ nguyên từ khi nhập kho cho đến lúc xuất ra (trừ trường hợp điều chỉnh). Khi xuất kho loại hàng nào thì tính theo giá thực tế đích danh của loại hàng đó.

- Phương pháp bình quân gia quyền

Bình quân gia quyền cả kỳ:

$$\text{Đơn giá BQ cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá TT tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá TT nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn ĐK} + \text{Số lượng nhập trong kỳ}}$$

Trị giá hàng xuất kho = Số lượng hàng xuất kho x Đơn giá bình quân

Bình quân gia quyền liên hoàn:

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập } i = \frac{\text{Trị giá thực tế HTK sau lần nhập } i}{\text{Lượng thực tế HTK sau lần nhập } i}$$

\*Chi phí bán hàng: Là những chi phí chi ra trong quá trình tiêu thụ thành phẩm. hàng hoá, dịch vụ gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển.

\*Chi phí quản lý doanh nghiệp: Là các khoản chi phí phục vụ cho quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

\*Chi phí hoạt động tài chính: Chi phí hoạt động tài chính là toàn bộ khoản chi phí phát sinh trong kỳ hạch toán liên quan đến các hoạt động về vốn, hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính trong doanh nghiệp.

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm : Chi phí liên quan đến hoạt động đầu tư chứng khoán, chi phí lãi vay, vốn kinh doanh các khoản dài hạn và ngắn hạn; chi phí hoạt động liên doanh; chi phí cho vay vốn ngắn hạn và dài hạn.

\*Chi phí khác: Là các khoản chi phí của hoạt động phát sinh ngoài các hoạt động sản xuất kinh doanh để tạo doanh thu của doanh nghiệp, những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra, cũng có thể là những khoản chi phí bỏ sót từ những năm trước.

Chi phí khác phát sinh bao gồm :

- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán.
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế
- Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm, hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán

\*Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp, Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm :

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: là số thuế TNDN phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN hiện hành.
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại: là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ ghi nhận thuế TNDN hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

### *1.1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh*

a. Khái niệm.

\*Kết quả kinh doanh: Là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một kỳ nhất định. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

\*Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ : là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các khoản giảm trừ doanh thu

\*Lãi gộp về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ : là số chênh lệch giữa doanh thu thuần với giá vốn hàng bán



\*Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh : Là số chênh lệch lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ và doanh thu hoạt động tài chính với chi phí hoạt động tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

\*Lợi nhuận khác : Là số chênh lệch giữa thu nhập khác và chi phí khác

\*Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế : là tổng số giữa lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh và lợi nhuận khác.

\*Lợi nhuận sau thuế TNDN ( lợi nhuận ròng, lãi ròng ): là phần lợi nhuận sau khi lấy lợi nhuận kế toán trước thuế trừ đi chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

b. Các loại kết quả hoạt động kinh doanh.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư, dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất

động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động tài chính: Là số chênh lệch giữa thu nhập tài chính và CP tài chính.

- Kết quả hoạt động khác: Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác với các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

### ***1.1.3. Nhiệm vụ của tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD***

❖ Nhiệm vụ của kế toán doanh thu bán hàng

- Tổ chức ghi chép, theo dõi, phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời và giám đốc chặt chẽ các khoản doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu.

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ tình hình hiện có và biến động tăng giảm về mặt lượng và mặt giá trị các loại sản phẩm, hàng hóa. Theo dõi chi tiết thanh toán với người mua ngân sách nhà nước về các khoản thuế, phí, lệ phí các sản phẩm hàng hóa bán ra.

### ❖ Nhiệm vụ của kế toán chi phí

- Căn cứ thực tế quy trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, kế toán chi phí phải vận dụng các phương pháp kế toán (phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho, phương pháp tính giá thành, phương pháp khấu hao) cho phù hợp.
- Ghi chép đầy đủ các khoản chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh
- Tiến hành tập hợp và phân bổ các khoản chi phí hợp lý.

### ❖ Nhiệm vụ của kế toán xác định kết quả kinh doanh

- Xác định KQKD của doanh nghiệp trong từng lĩnh vực hoạt động, từng thời kỳ.
- Hạch toán chính xác, kịp thời kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, cung cấp các thông tin phục vụ cho việc quyết toán, ra quyết định của nhà quản trị.
- Phân tích, đánh giá tình hình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa.

## **1.2. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

### ***1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ***

#### *1.2.1.1. Chứng từ sử dụng*

- Hóa đơn GTGT (đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ), hóa đơn bán hàng thông thường (đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp).
- Bảng thanh toán hàng đại lý ký gửi, phiếu xuất, phiếu thu, giấy báo có.
- Các chứng từ khác có liên quan.

**1.2.1.2. Tài khoản sử dụng**

TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

\* Kết cấu TK 511:

Bên Nợ :

+ Thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu và thuế GTGT được tính theo phương pháp trực tiếp phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của DN trong kỳ.

+ Kế toán giảm giá hàng bán, trị giá hàng bán bị trả lại, chiết khấu thương mại.

+ Kết chuyển doanh thu thuần sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Bên Có :

+ Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

- TK 511 không có số dư cuối kỳ

\* Các tài khoản cấp 2:

- TK 5111 - Doanh thu bán hàng hoá

- TK 5112 - Doanh thu bán các thành phẩm

- TK 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ

- TK 5114 - Doanh thu trợ cấp, trợ giá

- TK 5117 - Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

TK512 - Doanh thu tiêu thụ nội bộ

\* Kết cấu TK 512:

Bên Nợ :

+ Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ.

+ Số thuế TTĐB, số thuế GTGT theo PP trực tiếp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ.

+ Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào TK 911

Bên Có:

+ Doanh thu bán hàng nội bộ của DN thực hiện trong kỳ kế toán.

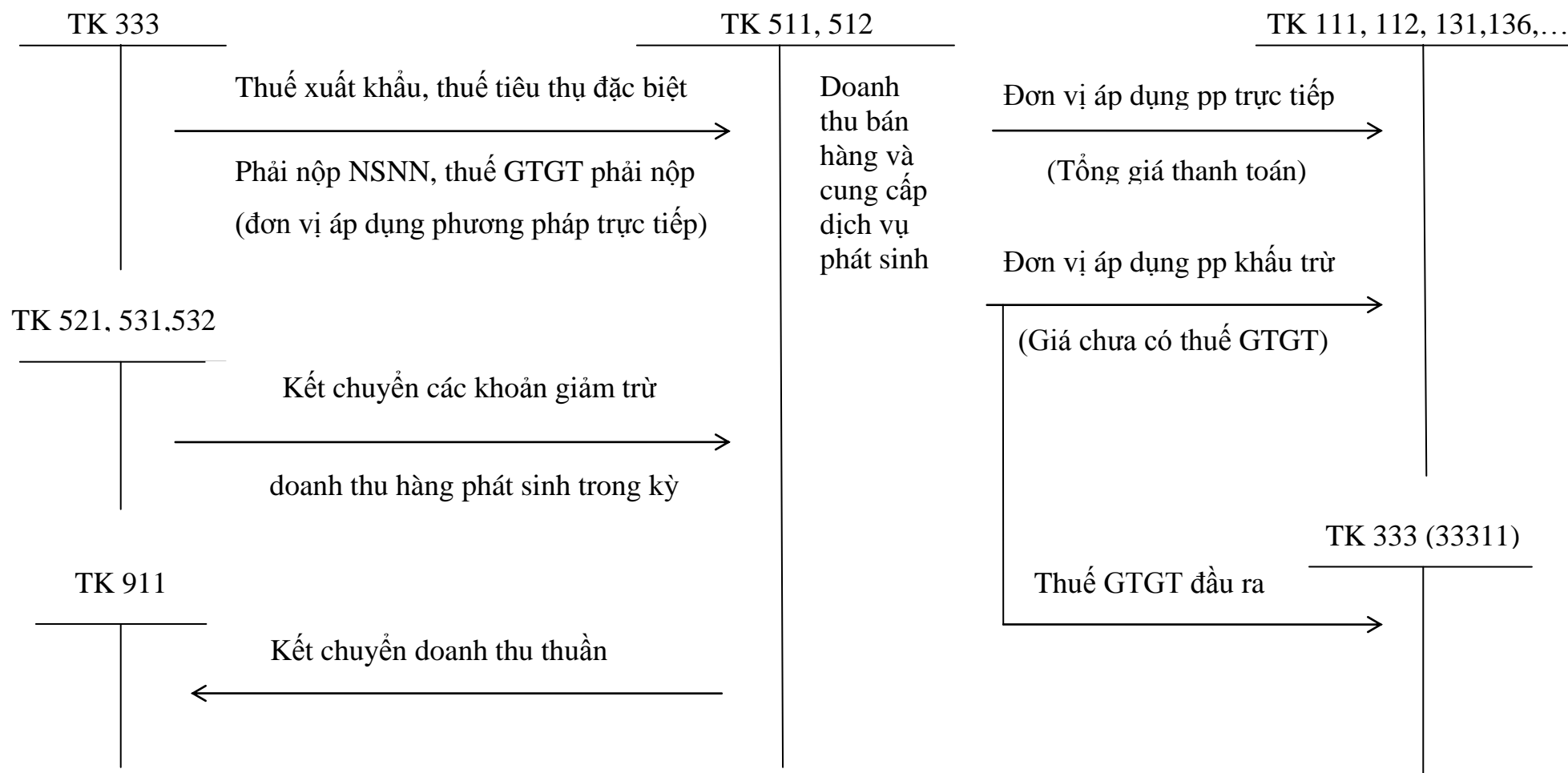
\* Các tài khoản cấp 2:

- TK 5121 - Doanh thu bán hàng hoá
- TK 5122 - Doanh thu bán các thành phẩm
- TK 5123 - Doanh thu cung cấp dịch vụ

***1.2.1.3. Phương pháp hạch toán***

Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được thể hiện qua sơ đồ 1.1 như sau:

**Sơ đồ 1.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu**



### **1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

#### **1.2.2.1. Chứng từ sử dụng**

- Căn cứ vào biên bản giao nhận, so sánh với hợp đồng xem họ có vi phạm điều khoản nào không. Đây là căn cứ để yêu cầu người bán giảm giá hàng bán.

- Hoá đơn GTGT, hợp đồng kinh tế.

#### **1.2.2.2. Tài khoản sử dụng**

TK 521 “Chiết khấu thương mại”

\* Kết cấu TK 521:

Bên Nợ: + Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng

Bên Có: + Kết chuyển sang TK511 xác định doanh thu thuần của kỳ hạch toán.

- TK 521 không có số dư cuối kỳ.

\* Các tài khoản cấp 2:

- TK5211: Chiết khấu hàng hóa

- TK5212: Chiết khấu thành phẩm

- TK5213: Chiết khấu dịch vụ

TK531 - Hàng bán bị trả lại

\* Kết cấu TK 531:

Bên Nợ: + Tập hợp doanh thu của số hàng đã tiêu thụ bị trả lại.

Bên Có: + Kết chuyển doanh thu của số hàng bán bị trả lại.

- TK 531 không có số dư cuối kỳ.

TK532 - Giảm giá hàng bán

\* Kết cấu TK 532:

Bên Nợ: + Tập hợp các khoản giảm giá hàng bán chấp thuận cho người mua

Bên Có: + Kết chuyển toàn bộ số giảm giá hàng bán sang TK 511 để xác định doanh thu thuần.

- TK 532 không có số dư cuối kỳ.

TK 333 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

\* Kết cấu TK 333:

Bên Nợ: + Số thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp, đã nộp vào NSNN.

+ Số thuế GTGT đã được khấu trừ trong kỳ, số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, bị giảm giá.

Bên Có: + Số thuế GTGT đầu ta và số thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp.

+ Số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác phải nộp vào NSNN.

- TK 333 có số dư Bên Có.

\* Các tài khoản cấp 2:

- TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp

- TK 3332 – Thuế tiêu thụ đặc biệt

- TK 3333 – Thuế xuất, nhập khẩu

- TK 3334 – Thuế thu nhập DN

- TK 3337 – Thuế nhà đất, tiền thuê đất

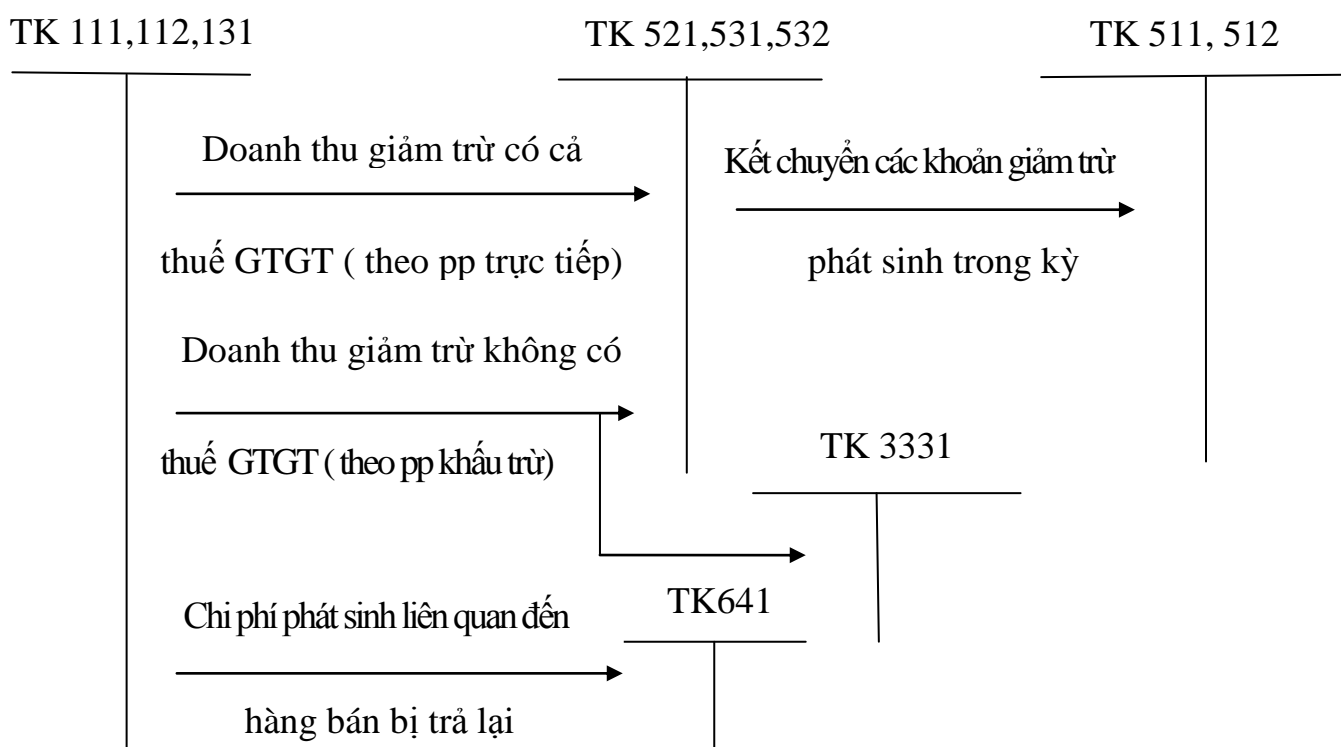
- TK 3338 – Các loại thuế khác

- TK 3339 – Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác

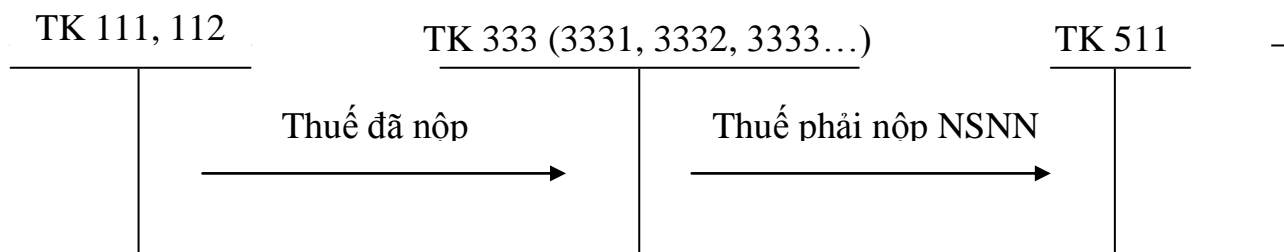
### *1.2.2.3. Phương pháp hạch toán*

Phương pháp hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu được thể hiện qua sơ đồ 1.2:

**Sơ đồ 1.2.a. Kế toán Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại**



**Sơ đồ 1.2.b. Kế toán thuế và các khoản phải nộp nhà nước**



**1.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán**

**1.2.3.1. Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT (mẫu số 01A-GTKT)
- Phiếu xuất kho (mẫu số 01-VT)
- Phiếu thu, phiếu chi
- Hợp đồng kinh tế
- Các chứng từ khác có liên quan



### 1.2.3.2. Tài khoản sử dụng

TK632 “Giá vốn hàng bán”

\* Kết cấu của TK 632:

Bên Nợ :

- + Phản ánh giá vốn sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ
- + Phản ánh chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ không được tính vào giá trị hàng tồn kho mà phải tính vào giá vốn hàng bán của kỳ kế toán.
- + Phản ánh chi phí xây dựng, tự chế tài sản cố định vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng, tự chế tạo hoàn thành.
- + Phản ánh khoản chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn khoản dự phòng đã lập năm trước.

Bên Có :

- + Phản ánh các khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm.
- + Giá vốn của hàng bán bị trả lại
- + Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ và toàn bộ chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư phát sinh trong kỳ sang TK911 - Xác định kết quả kinh doanh.
- TK 632 không có số dư cuối kỳ.

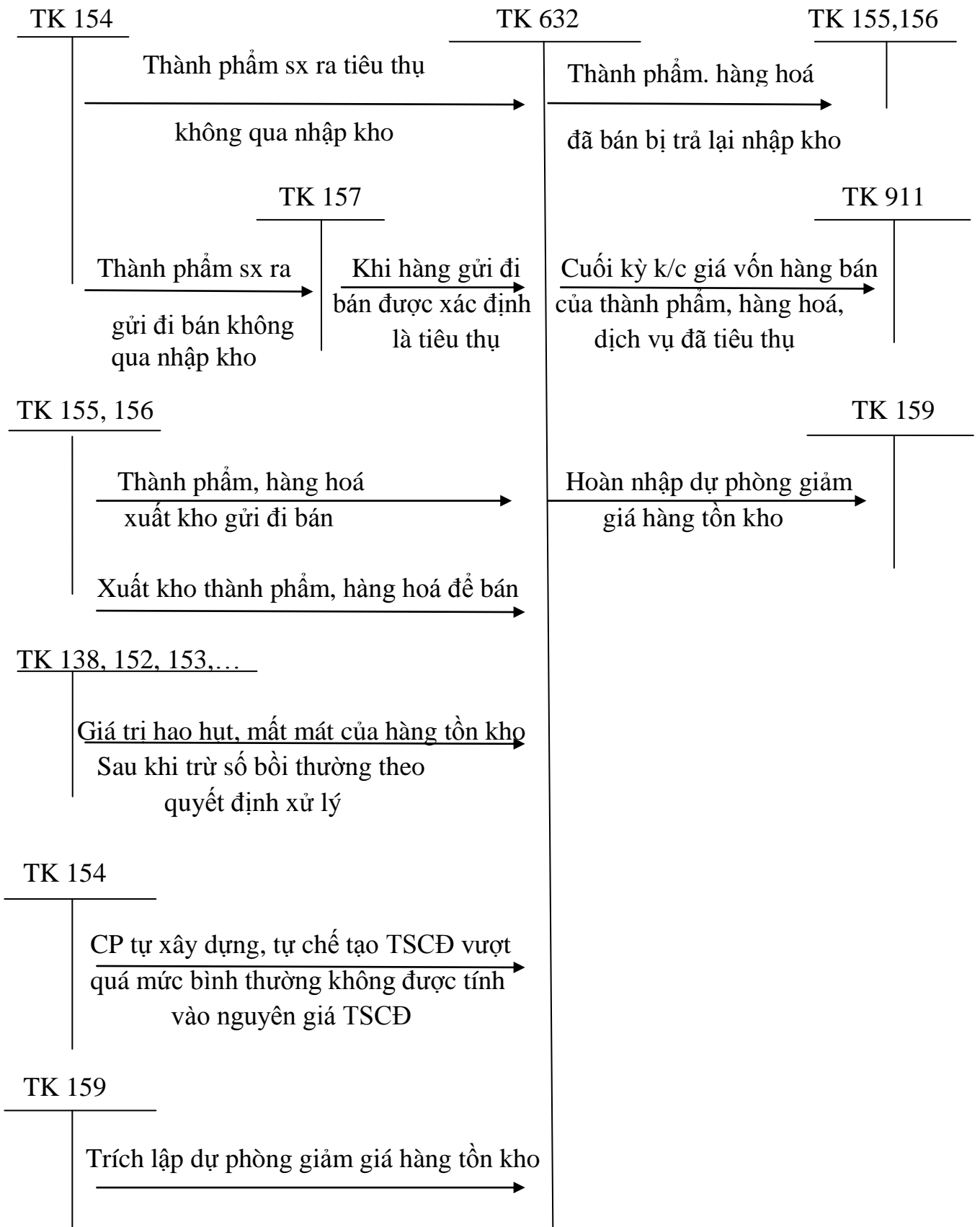
### 1.2.3.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và kiểm kê định kỳ được thể hiện qua sơ đồ 1.3:

**Sơ đồ 1.3: Kế toán giá vốn hàng bán**

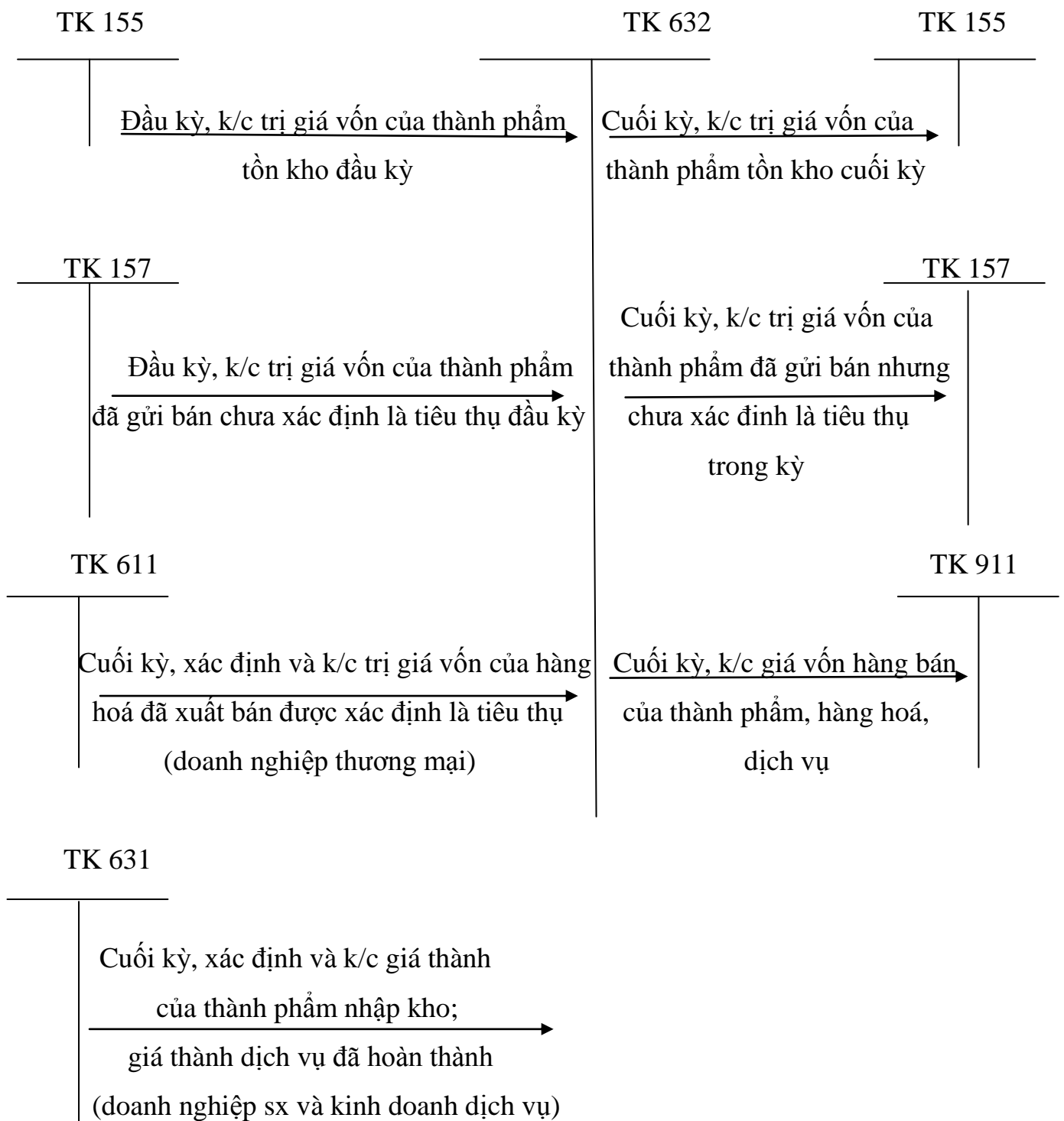
# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Sơ đồ 1.3.a. Theo phương pháp kê khai thường xuyên:



# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Sơ đồ 1.3.b. Theo phương pháp kiểm kê định kỳ:



### **1.2.4. Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp**

#### **1.2.4.1. Chứng từ sử dụng**

- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH (Mẫu số 11-LĐTL).
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06-TSCĐ).
- Bảng phân bổ NVL – công cụ, dụng cụ (Mẫu số 07-VT).
- Các chứng từ gốc có liên quan: Phiếu chi, Phiếu kế toán,..

#### **1.2.4.2. Tài khoản sử dụng**

TK 641 - Chi phí bán hàng

\* Kết cấu TK 641:

Bên Nợ :

+ Tập hợp chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong kỳ.

Bên Có :

+ Các khoản giảm chi phí bán hàng (nếu có)

+ Kết chuyển chi phí bán hàng trong kỳ vào bên Nợ TK 911.

- TK 641 không có số dư

\* Các tài khoản cấp 2:

- TK 6411 – Chi phí nhân viên

- TK 6412 - Chi phí vật liệu, bao bì

- TK 6413 - Chi phí dụng cụ đồ dùng

- TK 6414 - Chi phí khấu hao TSCĐ

- TK 6415 - Chi phí bảo hành

- TK 6417 - Chi phí dịch vụ mua ngoài

- TK 6418 - Chi phí khác bằng tiền

TK642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

\* Kết cấu TK 642:

Bên Nợ :

+ Tập hợp chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ.

+ Dự phòng trợ cấp mất việc làm.

+ Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.

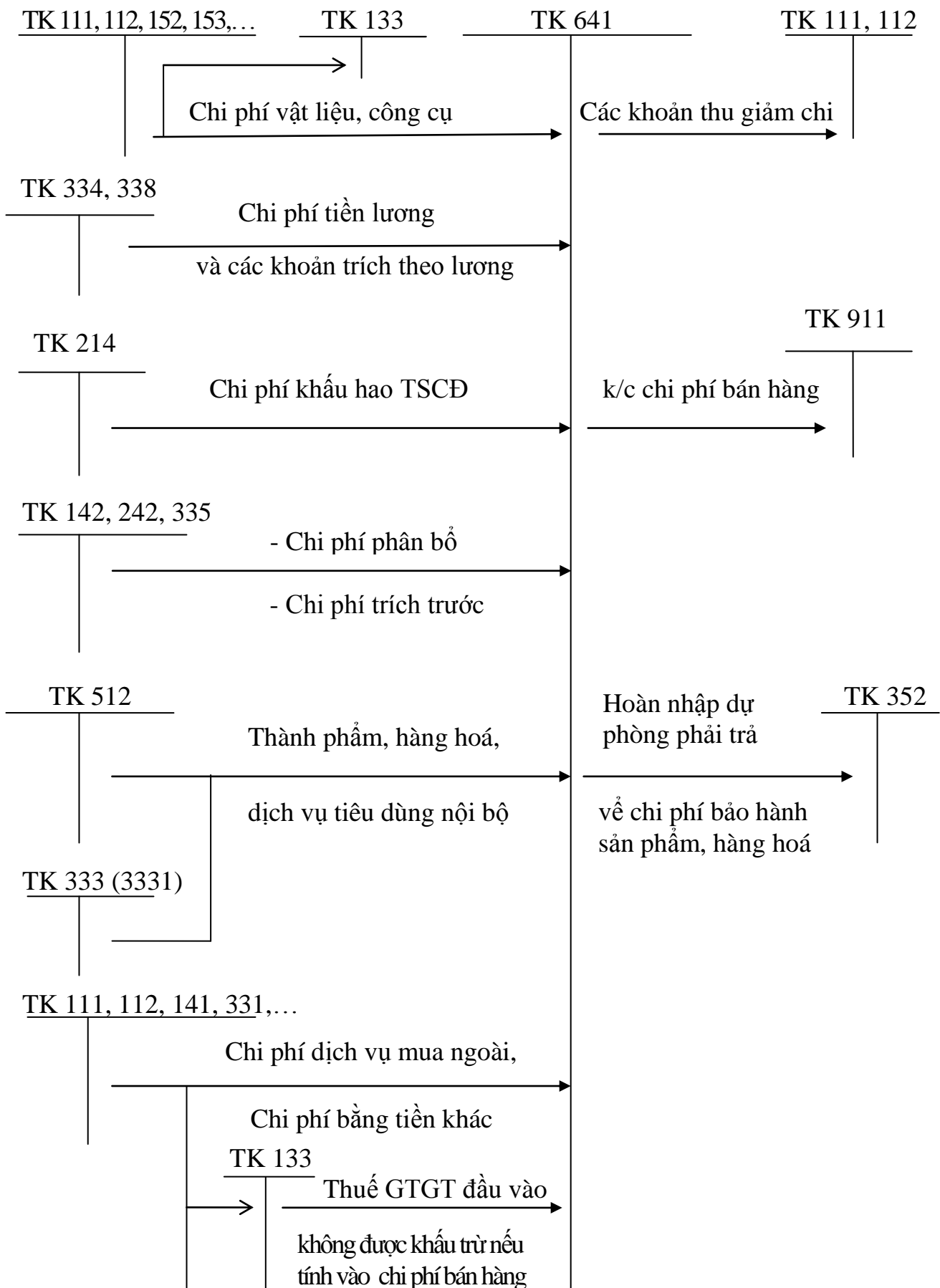
Bên Có :

- + Các khoản được phép ghi giảm chi phí quản lý (nếu có)
- + Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ vào bên Nợ TK911.
- TK 642 không có số dư
- \* Các tài khoản cấp 2:
  - TK 6421 - Chi phí nhân viên quản lý
  - TK 6422 - Chi phí vật liệu quản lý
  - TK 6423 - Chi phí dụng cụ đồ dùng văn phòng
  - TK 6424 - Chi phí khấu hao TSCĐ
  - TK 6425 - Thuế, phí, lệ phí.
  - TK 6426 - Chi phí dự phòng
  - TK 6427 - Chi phí dịch vụ mua ngoài
  - TK 6428 - Chi phí khác bằng tiền

### *1.2.4.3. Phương pháp hạch toán*

Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng được thể hiện qua sơ đồ 1.4:

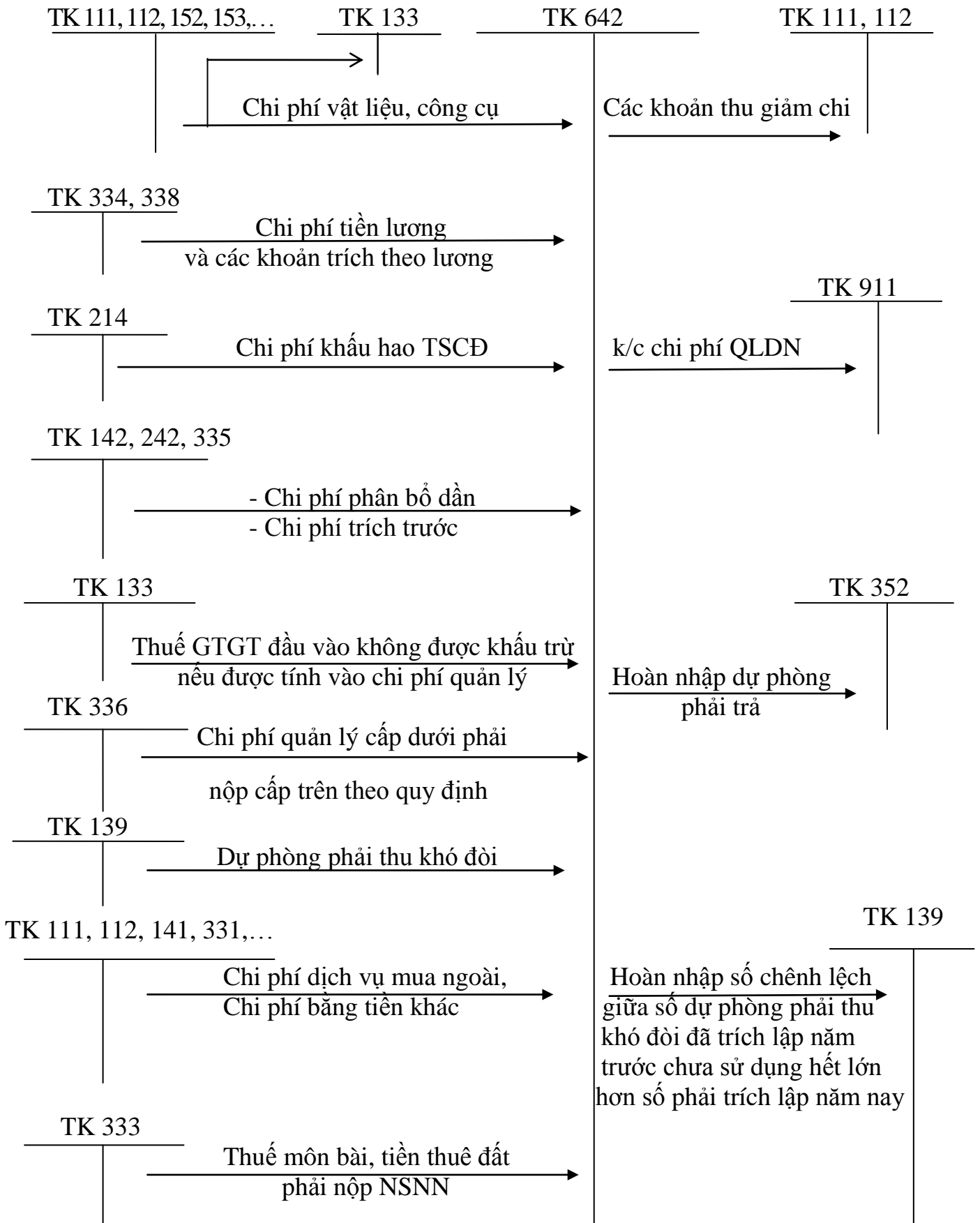
**Sơ đồ 1.4: Kế toán chi phí bán hàng**



# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Phương pháp hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp được thể hiện qua sơ đồ 1.5:

**Sơ đồ 1.5: Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp**



**1.2.5. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính**

*1.2.5.1. Chứng từ sử dụng*

- Phiếu thu, Phiếu chi, phiếu kế toán, giấy báo Có

*1.2.5.2. Tài khoản sử dụng*

TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

TK 635 – Chi phí tài chính

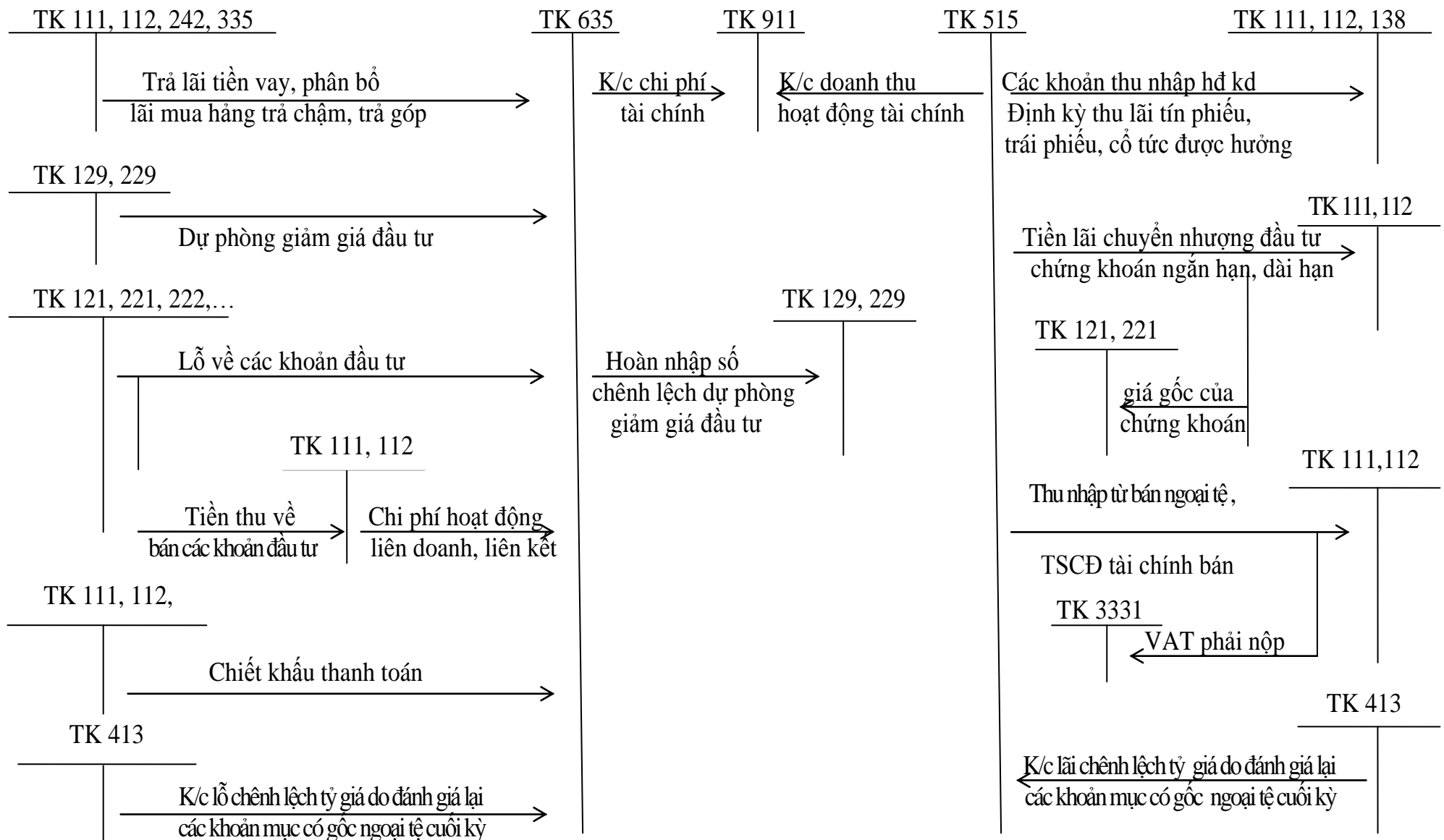
*1.2.5.3. Phương pháp hạch toán*

Phương pháp hạch toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính được thể hiện qua sơ đồ 1.6:



## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### Sơ đồ 1.6 : Kế toán doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính



**1.2.6. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác**

*1.2.6.1. Chứng từ sử dụng*

- Phiếu thu, Phiếu chi, phiếu kế toán, giấy báo Có

*1.2.6.2. Tài khoản sử dụng*

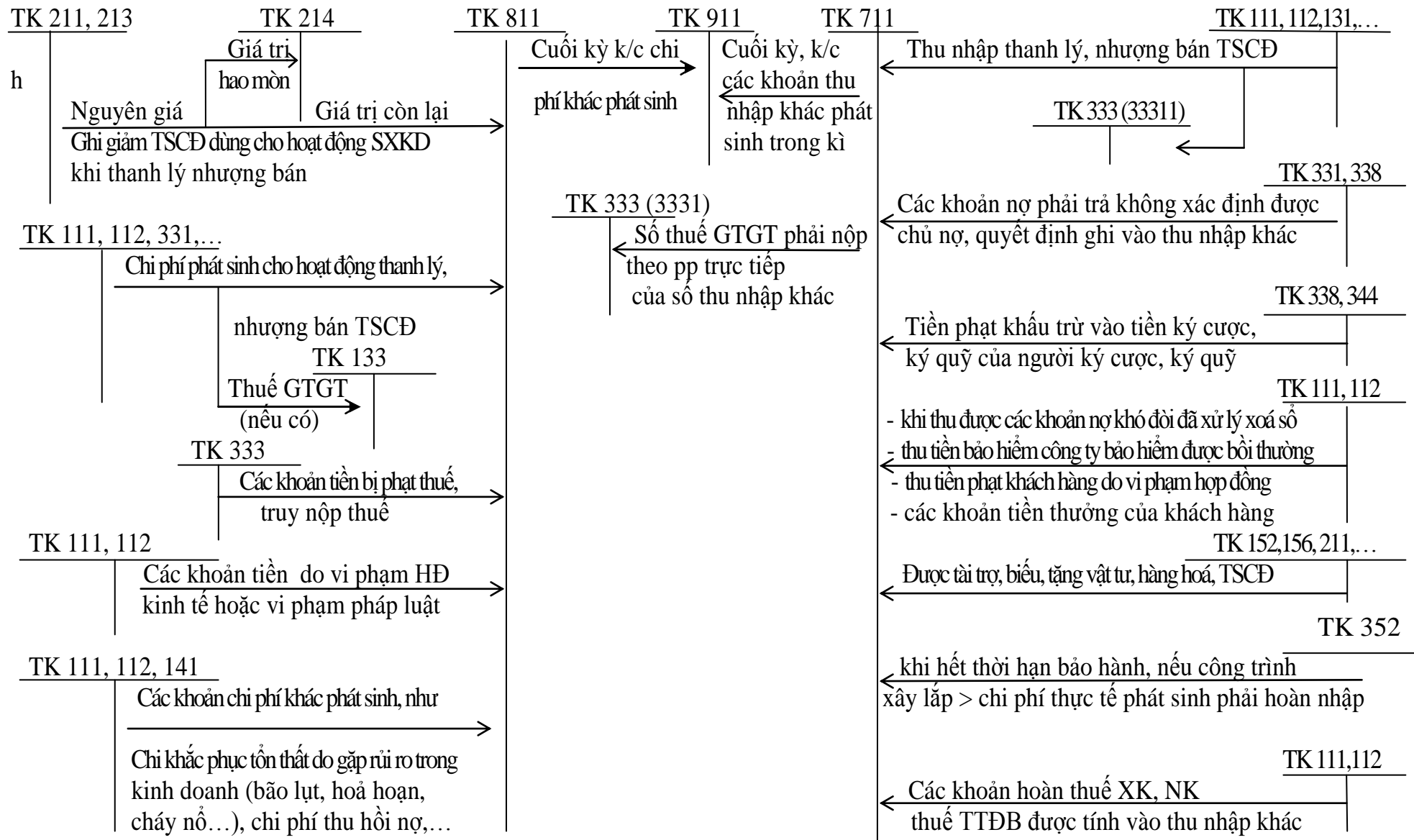
TK 711 – Thu nhập khác

TK 811 – Chi phí khác

*1.2.6.3. Phương pháp hạch toán*

Phương pháp hạch toán thu nhập khác và chi phí khác được thể hiện qua sơ đồ 1.7:

Sơ đồ 1.7: Kế toán thu nhập khác và chi phí khác



### **1.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh**

#### **1.2.7.1. Chứng từ sử dụng**

- Các bảng phân bổ chi phí gồm : giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác kết chuyển để xác định KQKD.
- Các bảng phân bổ doanh thu và thu nhập thuần kết chuyển để xác định KQKD.
- Các chứng từ khác có liên quan.

#### **1.2.7.2. Tài khoản sử dụng**

TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

\*Kết cấu TK 911:

Bên Nợ :

- + Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ và toàn bộ chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư phát sinh trong kỳ
- + Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế TNDN.
- + Lãi sau thuế các hoạt động khác trong kỳ

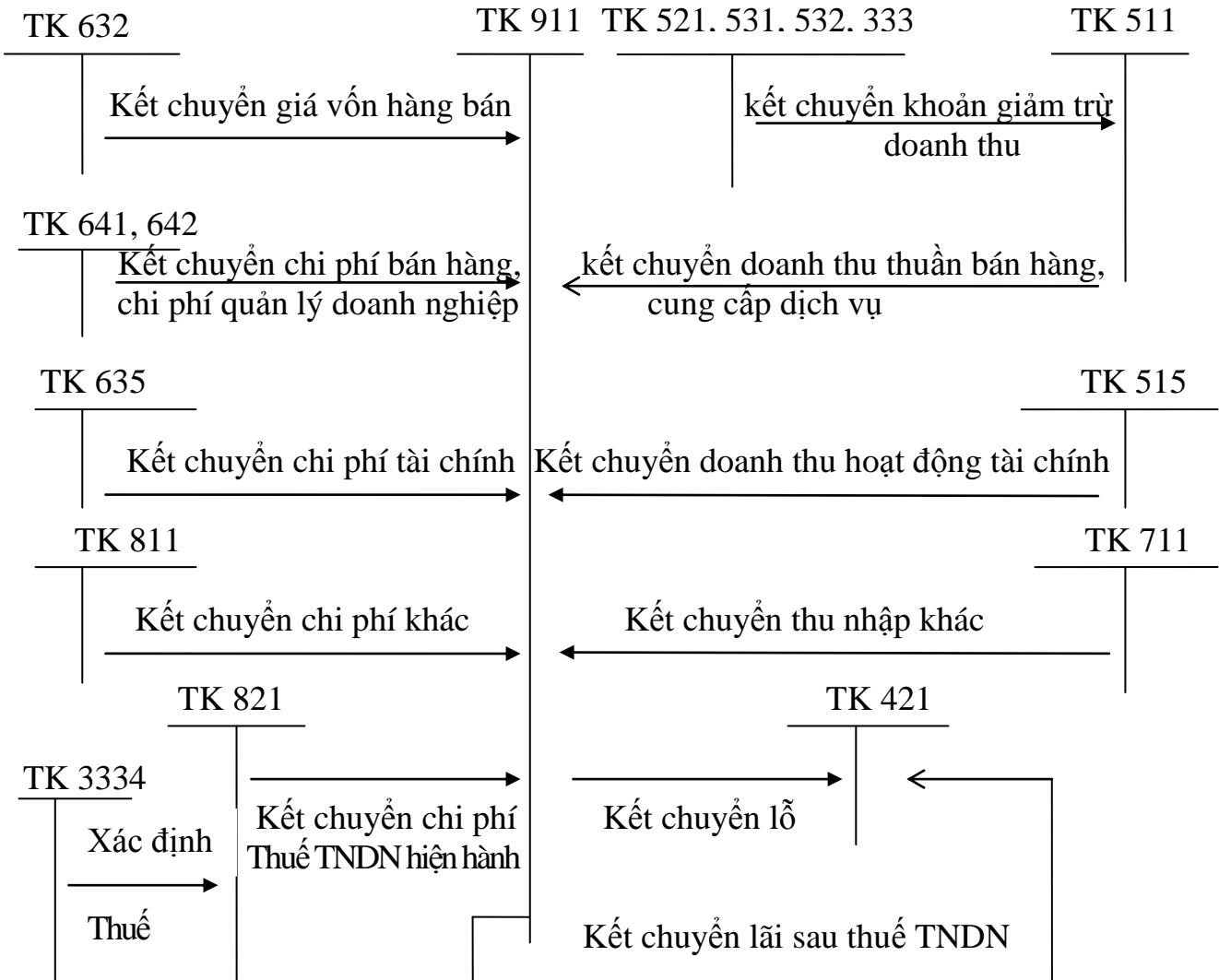
\*Bên Có:

- + Doanh thu thuần về sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ và doanh thu thuần kinh doanh bất động sản đầu tư phát sinh trong kỳ
- + Doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác
- + Lỗ về các hoạt động trong kỳ
- TK 911 không có số dư.

#### **1.2.7.3. Phương pháp hạch toán**

Phương pháp hạch toán xác định kết quả kinh doanh được thể hiện qua sơ đồ 1.8:

**Sơ đồ 1.8: Kế toán xác định kết quả kinh doanh**



### 1.3. Các hình thức ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

#### 1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung

##### 1.3.1.1. Đặc điểm

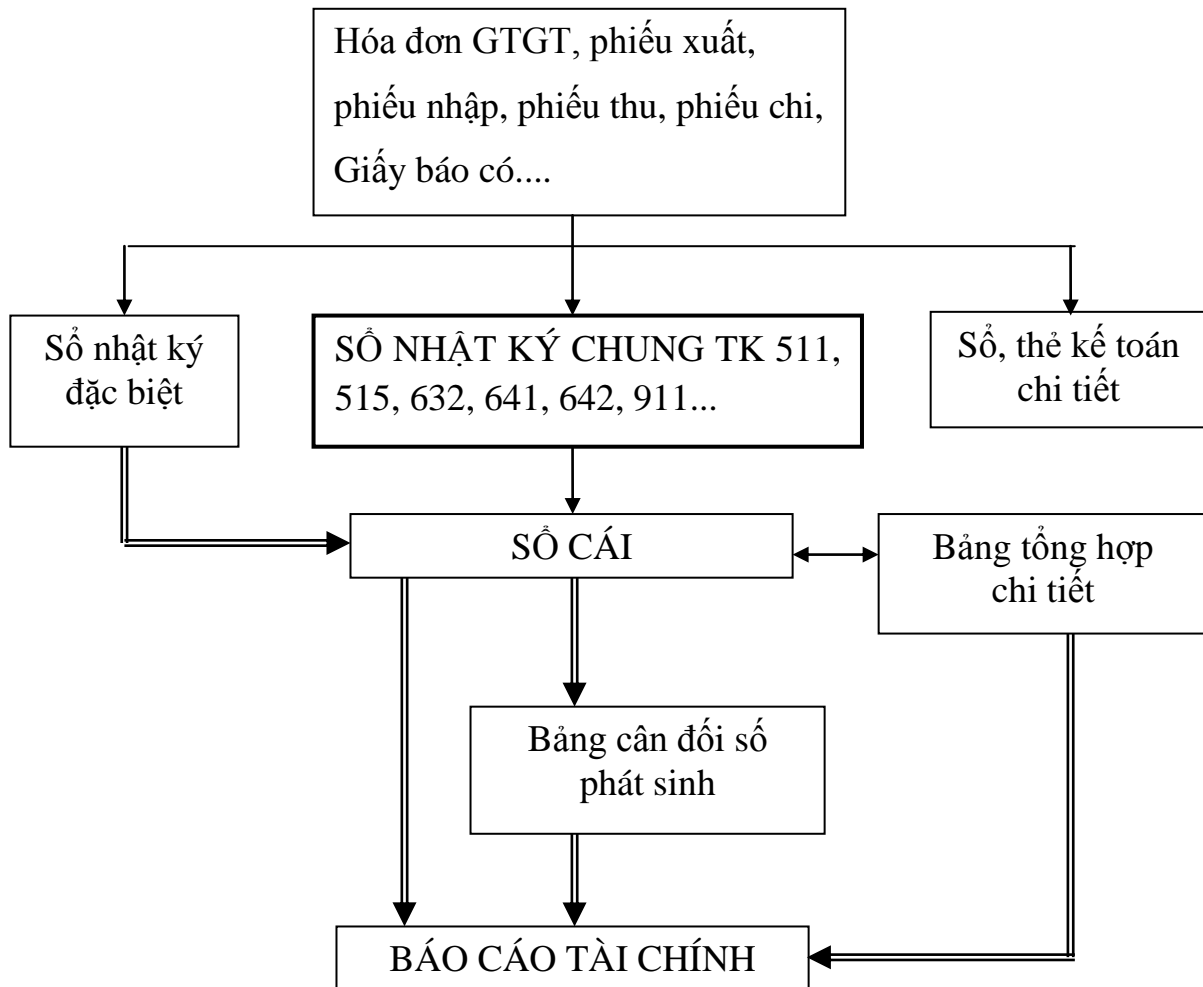
Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

##### 1.3.1.2. Sổ sách sử dụng

-Sổ Nhật ký chung, Sổ cái, các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

*1.3.1.3. Trình tự ghi sổ kế toán*

**Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung**



**Ghi chú:**

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

(1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ (3, 5, 10...ngày) hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ Cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).

(2) Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung (hoặc sổ Nhật ký chung và các sổ Nhật ký đặc biệt sau khi đã loại trừ số trùng lặp trên các sổ Nhật ký đặc biệt) cùng kỳ.

### **1.3.2 Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái**

#### **1.3.2.1 Đặc điểm**

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký – Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký – Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

#### **1.3.2.2 Sổ sách sử dụng**

- Nhật ký – Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

### **1.3.3 Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ**

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp gồm:

- + Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ.
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm. phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ;
- Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

### **1.3.4 Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ**

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ:

- Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.
- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).
- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.
- Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập các báo cáo tài chính.



Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký – Chứng từ;
- Bảng kê;
- Sổ Cái;
- Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết.

### ***1.3.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính***

Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính:

Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay thủ công.

## CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI CHUNG ANH

### 2.1 Tổng quan về Công ty cổ phần thương mại Chung Anh

#### 2.1.1 Thông tin chung về Công ty cổ phần thương mại Chung Anh

- Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI CHUNG ANH
- Tên công ty viết bằng tiếng Anh: CHUNG ANH TRADING JOINT STOCK COMPANY
- Tên công ty viết tắt: CHUNG ANH JSC
- Người đại diện theo pháp luật của công ty: Chủ tịch hội đồng quản trị Vũ Thị Vân Anh
- Ngày thành lập: 19/02/2008
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: số 0203003960, cấp bởi Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng
- MST: 0200787627
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 20 Phan Bội Châu, phường Quang Trung, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
- Số điện thoại: (031)3746195
- FAX: (031)3746195
- Email: ctychunganh@vnn.vn

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### 2.1.2 Quá trình hình thành và phát triển của Công ty cổ phần thương mại Chung Anh

Do yêu cầu về pháp lý, nhu cầu của thị trường và nhu cầu kinh doanh nhiều ngành hàng, ba cổ đông đã cùng nhau góp vốn và xây dựng nên công ty cổ phần thương mại Chung Anh với **vốn điều lệ là 1,200,000,000** đồng (trong đó mệnh giá cổ phần là 10,000 đồng, số cổ phần đã góp là 120,000 cổ phần), với 12 lao động.

Biểu số 1.1: Các cổ đông của Công ty cổ phần thương mại Chung Anh:

STT	Tên cổ đông	Loại cổ phần	Số cổ phần (cổ phần)	Giá trị cổ phần (triệu đồng)	Tỷ lệ cổ phần (%)
1	Vũ Thị Vân Anh	Phổ thông	75,000	750	62.5
2	Nguyễn Văn Hải	Phổ thông	24,000	240	20
3	Đặng Ngọc Tuấn	Phổ thông	21,000	210	17.5

Biểu số 1.2: Ngành, nghề công ty kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Dịch vụ lưu trú	55
2	Dịch vụ ăn uống	56
3	Bán buôn gạo, thực phẩm, đồ uống và sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	463
4	Bán buôn đồ dùng gia đình	464
5	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy	465

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

6	Bán lẻ trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	471
7	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống hoặc thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	472
8	Bán lẻ thiết bị gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh	475
9	Bán lẻ lưu động hoặc bán tại chợ	478
10	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ cho vận tải	522
11	Đại lý, môi giới, đấu giá	4610
12	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
13	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
14	Xây dựng nhà các loại	41000
15	Vận tải hành khách bằng xe taxi	49312
16	Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh	49321

Khi bắt đầu kinh doanh, doanh nghiệp gặp không ít khó khăn như chọn lựa nhà cung cấp phù hợp với doanh nghiệp, yếu tố đầu ra còn nhiều hạn chế, có khá nhiều đối thủ cạnh tranh, vốn còn ít, ... Nhưng bằng chính sách kinh doanh hợp lý, sự quản lý hiệu quả của ban lãnh đạo cùng sự nỗ lực của nhân viên công ty đã vượt qua những khó khăn đó và phát triển. Và điều thể hiện rõ qua những kết quả tài chính công ty đạt được trong 3 năm gần đây: (tổng hợp từ báo cáo tài chính 3 năm 2010, 2011, 2012).

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Biểu số 1.3:** Kết quả kinh doanh của Công ty cổ phần thương mại Chung Anh  
3 năm gần đây:

Đơn vị tính: đồng

STT	Năm	Doanh thu thuần	Lợi nhuận sau thuế	Nộp vào ngân sách nhà nước
1	2010	2,744,046,145	23,148,634	5,638,770
2	2011	3,734,993,048	18,754,916	3,800,285
3	2012	3,567,017,221	12,112,954	2,747,812

Qua những kết quả trên ta thấy, doanh thu thuần năm 2011 so với năm 2010 tăng 990,946,903 đồng (tương ứng tăng 10%), Lợi nhuận sau thuế giảm 4,393,718 đồng (tương ứng giảm 8%), số tiền nộp vào ngân sách Nhà nước giảm 1,838,485 đồng (tương ứng giảm 15%). Doanh thu thuần tăng lên được xem là thành tích của Công ty nên tiếp tục phát huy trong tương lai, tuy nhiên việc lợi nhuận sau thuế và số tiền nộp ngân sách Nhà nước giảm lại là hạn chế mà Công ty nên khắc phục. Nguyên nhân có thể do: có nhiều đối thủ cạnh tranh mạnh, chất lượng hàng hóa chưa tốt, chính sách kinh doanh chưa phù hợp với sự thay đổi của nền kinh tế thị trường, ...

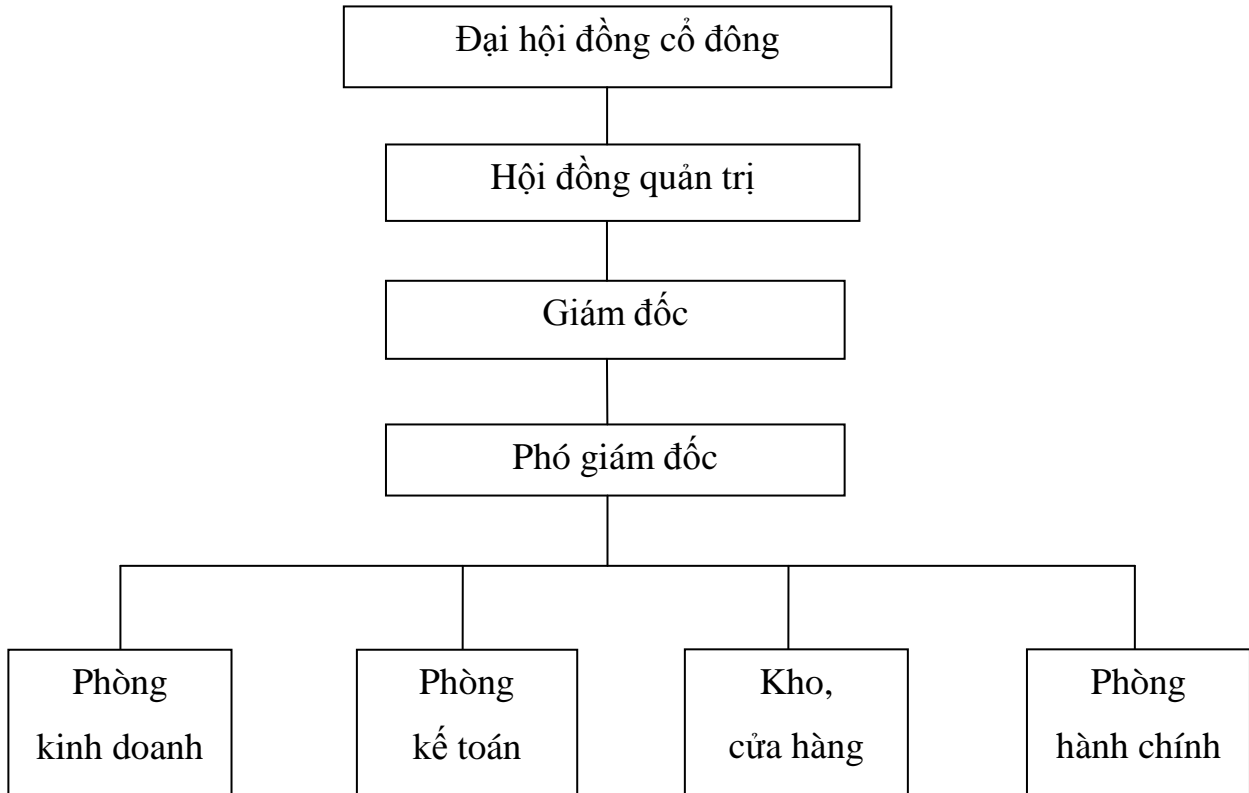
Doanh thu thuần năm 2012 so với năm 2011 giảm 167,975,827 đồng ( tương ứng giảm 2%), lợi nhuận sau thuế giảm 6,641,962 đồng (tương ứng giảm 12%), số tiền nộp vào ngân sách Nhà nước giảm 1,052,473 đồng (tương ứng giảm 9%). Doanh thu thuần, lợi nhuận sau thuế và số tiền nộp ngân sách Nhà nước có xu hướng giảm đây bị coi là hạn chế của Công ty. Nguyên nhân có thể do: ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế năm 2012, chính sách kinh doanh chưa hợp lý...

Khi việc kinh doanh vừa khởi sắc thì năm 2012 cơn bão tài chính đã làm nền kinh tế thế giới trở nên trì trệ, nền kinh tế Việt Nam thì đây rầy những biến động và rủi ro. Công ty đã đối mặt với tất cả những thách thức ấy cố gắng kinh doanh hiệu quả và có những đối tác đầy tiềm năng.

## 2.1.3 Đặc điểm cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần thương mại Chung Anh

Công ty Cổ phần thương mại Chung Anh tổ chức và hoạt động theo luật doanh nghiệp được nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khóa XI thông qua ngày 29/11/2005 và các luật khác có liên quan.

**Sơ đồ 2.1: Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của công ty:**



Hội đồng quản trị bổ nhiệm cổ đông Vũ Thị Vân Anh làm giám đốc của công ty và cổ đông Nguyễn Văn Hải làm phó giám đốc công ty.

Phó giám đốc quản lý 3 phòng ban: phòng kinh doanh, phòng kế toán, phòng hành chính.

Trong đó phòng kinh doanh gồm 4 người làm nhiệm vụ lên kế hoạch kinh doanh, tìm thêm nhà cung cấp và đầu ra cho hàng hóa, bán hàng, chăm sóc khách hàng.

Phòng kế toán gồm 3 người làm nhiệm vụ thu thập và xử lý các số liệu kế toán đảm bảo phục vụ cho nhu cầu kinh doanh của công ty và thực hiện tốt nghĩa vụ với Nhà nước.

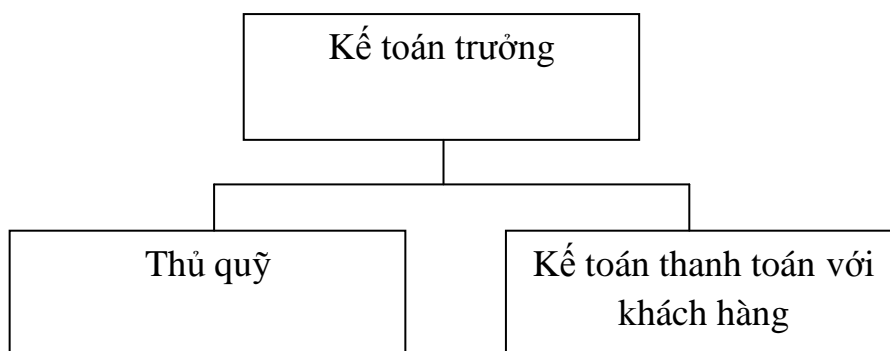
Phòng hành chính gồm 1 người làm nhiệm vụ lưu trữ và in ấn tài liệu, quản lý nhân sự, quản lý tài sản và phương tiện vận tải của công ty.

### **2.1.4 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của Công ty cổ phần thương mại Chung Anh**

#### **2.1.4.1 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của Công ty cổ phần thương mại Chung Anh**

Bộ phận kế toán trong Công ty có chức năng phản ánh và giám sát một cách liên tục và toàn diện các hiện tượng tài chính phát sinh trong quá trình kinh doanh của đơn vị. Còn một chức năng vô cùng quan trọng nữa của kế toán là chức năng cung cấp thông tin. Thông qua việc thu thập các thông tin về các sự kiện kinh tế tài chính, xử lý thông tin bằng khoa học của mình, kế toán cung cấp thông tin cụ thể về tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của đơn vị cho các đối tượng sử dụng thông tin khác nhau để các nhà lãnh đạo nắm được kết quả kinh doanh của Công ty trong suốt thời gian qua, đồng thời ra được các quyết định đúng đắn kịp thời.

#### **Sơ đồ 2.2: Mô hình bộ máy kế toán của Công ty cổ phần thương mại Chung Anh**



Kế toán trưởng là người chịu trách nhiệm trực tiếp đối với Ban giám đốc về tình hình kế toán của công ty. Kế toán trưởng có trách nhiệm theo dõi hoạt động kế toán của công ty và cũng là kế toán xác định kết quả kinh doanh của công ty.

Kế toán thanh toán với khách hàng hàng ngày từ các chứng từ mà kế toán viên nội bộ công ty cung cấp kế toán thanh toán với khách hàng lên các bảng quyết toán toàn bộ chi phí hàng hoá cũng như cước vận chuyển cho các khách hàng. Khách hàng sau khi đã nhận đầy đủ các chứng từ và các bảng quyết toán chi tiết từng lô hàng sẽ có trách nhiệm thanh toán cho Công ty. Kế toán thanh toán khách hàng có trách nhiệm thu tiền của khách hàng nộp về cho thủ quỹ.

Thủ quỹ kiêm luôn công việc của thủ kho. Hàng ngày có trách nhiệm lập các phiếu chi tiền mà kế toán viên nội bộ công ty chuyển sang. Lập các chứng từ phiếu thu tiền từ các khách hàng mà kế toán thanh toán với khách hàng chuyển qua.

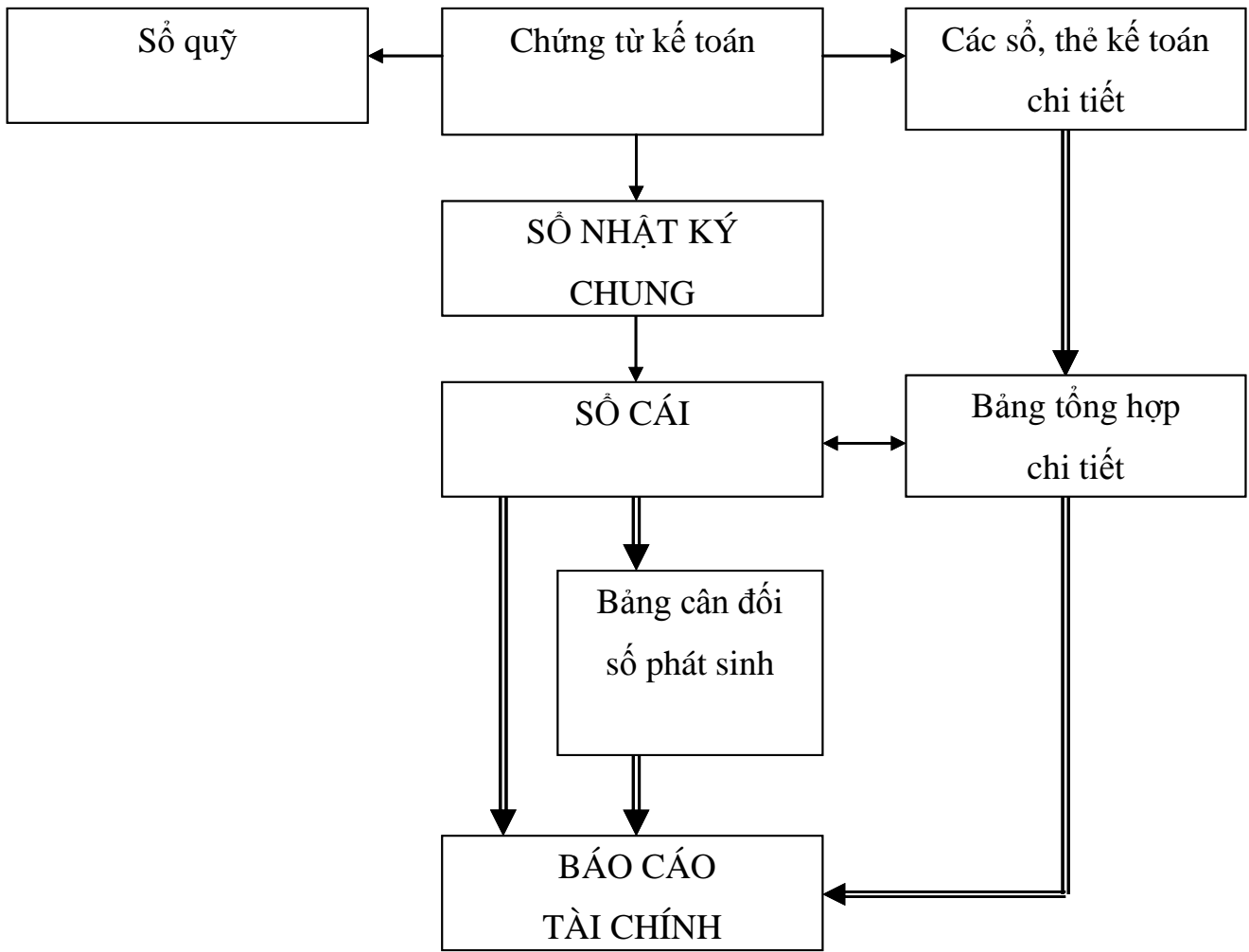
### *2.1.4.2 Hình thức ghi sổ kế toán và các chính sách kế toán của Công ty cổ phần thương mại Chung Anh*

#### a) Hình thức ghi sổ kế toán tại Công ty

Căn cứ vào quy mô công ty, Công ty cổ phần thương mại Chung Anh lựa chọn sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.



Sơ đồ 2.3: Hình thức ghi sổ kế toán tại Công ty cổ phần thương Chung Anh



Ghi chú:

- > : Ghi hàng ngày
- =====> : Ghi cuối năm
- =====< : Đối chiếu kiểm tra

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

b) Chính sách kế toán áp dụng tại Công ty

- ❖ Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm
- ❖ Đơn vị sử dụng trong kế toán: VNĐ (đồng Việt Nam)
- ❖ Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ kế toán theo quyết định số 15
- ❖ Phương pháp kế toán hàng tồn kho:
  - Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho
  - Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: phương pháp bình quân liên hoàn sau mỗi lần nhập
  - Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên
- ❖ Phương pháp khấu hao tài sản cố định đang áp dụng: phương pháp đường thẳng
- ❖ Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay
- ❖ Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả
- ❖ Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả
- ❖ Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá
- ❖ Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

**2.2 Thực trạng về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại Chung Anh.**

**2.2.1 Thực trạng công tác kế toán doanh thu bán hàng và doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty cổ phần thương mại Chung Anh**

**2.2.1.1 Đặc điểm doanh thu tại Công ty**

Doanh thu bán hàng của Công ty là từ các hoạt động kinh doanh mỹ phẩm, bán cho các khách lẻ, công ty, cửa hàng... Còn doanh thu hoạt động tài chính là từ các khoản lãi tiền gửi tại ngân hàng Sacombank.

a) Chứng từ sử dụng tại Công ty

- Các hợp đồng mua, bán, bàn giao, hoá đơn GTGT
- Sổ chi tiết bán hàng
- Phiếu thu, giấy báo Có của ngân hàng ...

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP


### b) Cách lập chứng từ

Sau khi ký kết hợp đồng kinh tế giữa hai bên kế toán viết hóa đơn GTGT lập 3 liên (Đặt giấy than viết 1 lần).

- -Liên 1: Lưu tại quyền hóa đơn GTGT
- -Liên 2: Giao cho khách hàng
- -Liên 3: Giao cho kế toán hạch toán ghi nhận doanh thu

### c) Ví dụ thực tế

- Ngày 31/10 /2012, nhận lãi trên tài khoản tiền gửi Ngân hàng Sacombank là 16,342 đồng.
- Ngày 14/11/2012, Bán hàng hóa mỹ phẩm cho công ty cổ phần thương mại du lịch Duyên Hải với giá bán cả thuế VAT 10% 6,336,000 đồng, giá vốn hàng bán là 5,236,800 đồng khách hàng đã thanh toán bằng tiền mặt.

 <b>Sacombank</b> NGÂN HÀNG SÀI GÒN THƯƠNG TÍN	<b>GIẤY BẢO CỨ</b> <b>CREDIT ADVICE</b>	Số chứng từ/Ref No: 030011580366-20121031 User in/ User ID : maivth11488 Ngày/Date : 27/11/2012 15:52:31
<b>PGD HOA PHUONG-CN HP</b> Mã số thuế/ Tax code:	Ngày/Date: 31/10/2012	
<b>Đơn vị hưởng/ Beneficiary:</b>	CONG TY CPTM CHUNG ANH	
<b>Địa chỉ/ Address:</b>	SO 20 PHAN BOI CHAU - P QUANG TRUNG	
<b>Số tài khoản/ Account no:</b>	030011580366	
<b>Nơi nhận/ At:</b>	SACOMBANK - PGD HOA PHUONG-CN HP	
<b>Số tiền/ Amount:</b>	16,342 VND Mười sáu ngàn ba trăm bốn mươi hai đồng	
<b>Nội dung/ Description:</b>	LAI NHAP VON	
<b>CONG TY CPTM CHUNG ANH</b> Ghi số ngày/ Date:	<b>SACOMBANK - PGD HOA PHUONG-CN HP</b> Ghi số ngày/ Date:	
<b>Kế toán</b> Accountant	<b>Chủ tài khoản</b> Account holder	<b>Giao dịch viên</b> Teller
		<b>Kiểm soát viên</b> Authoriser
		<b>Trưởng đơn vị</b> Manager

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**      Mẫu số: 01GTKT3/001  
 Liên 3: Nội bộ      Ký hiệu: AA/11P  
 Ngày 14 tháng 11 năm 2012...      Số: **0000116**

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI CHUNG ANH**  
 Mã số thuế: **0200787627**  
 Địa chỉ: Số 20 Phan Bội Châu, phường Quang Trung, quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng  
 Điện thoại: .....  
 Số tài khoản: .....

Họ tên người mua hàng: .....  
 Tên đơn vị: Công ty CP Thương mại du lịch Duyên Hải  
 Mã số thuế: 02 003 73 24 9 .....  
 Địa chỉ: Số 6 Nguyễn Thị Phương, Minh Khai - Hồng Bàng - HP  
 Hình thức thanh toán: TM      Số tài khoản: .....

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1.	Sữa tắm dây thebel	dây	600	4.800	2.880.000
2.	Dầu dưỡng tóc bạc hà olive	dây	600	4.800	2.880.000
Cộng tiền hàng:					5.760.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			576.000
Tổng cộng tiền thanh toán					6.336.000
Số tiền viết bằng chữ: Sáu triệu ba trăm ba mươi sáu ngàn đồng chẵn					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên) <b>BÁN HÀNG QUA ĐIỆN THOẠI</b>		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên) Nguyễn Thị Huyền Thu		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) Giám đốc Vũ Thị Văn Anh	

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

In tại Công ty Cổ phần bán lẻ Đồ họa Chuyên nghiệp. Mã số thuế: 0200658946.ĐT: 031.3826557-3686954.

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**PHIẾU THU**

Quyển số: 5  
Số: 78  
Mẫu số 01-TT  
Số: SM 333.1  
QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20 tháng 3 năm 2006  
CÓ: 111 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

Ngày 14 tháng 11 năm 2012

Họ tên người nộp tiền: Công ty CP Thương Mại Du Lịch Duyên Hải  
Địa chỉ: Nguyễn Thị Phương - Minh Khai - Đống Đa - TP  
Lý do nộp: bán hàng hóa mỹ phẩm

Số tiền: 6.336.000 (viết bằng chữ) Sáu triệu ba trăm ba mươi sáu ngàn đồng chẵn

Kèm theo: 01 Chứng từ gốc

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ)

Ngày 14 tháng 11 năm 2012

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ KẾ TOÁN TRƯỞNG THỦ QUỸ NGƯỜI NỘP TIỀN NGƯỜI LẬP PHIẾU

GIÁM ĐỐC  
Nguyễn Thị Văn Anh  
Nguyễn Thị Hoa Thu

## 2.2.1.2 Tài khoản sử dụng tại Công ty

- TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

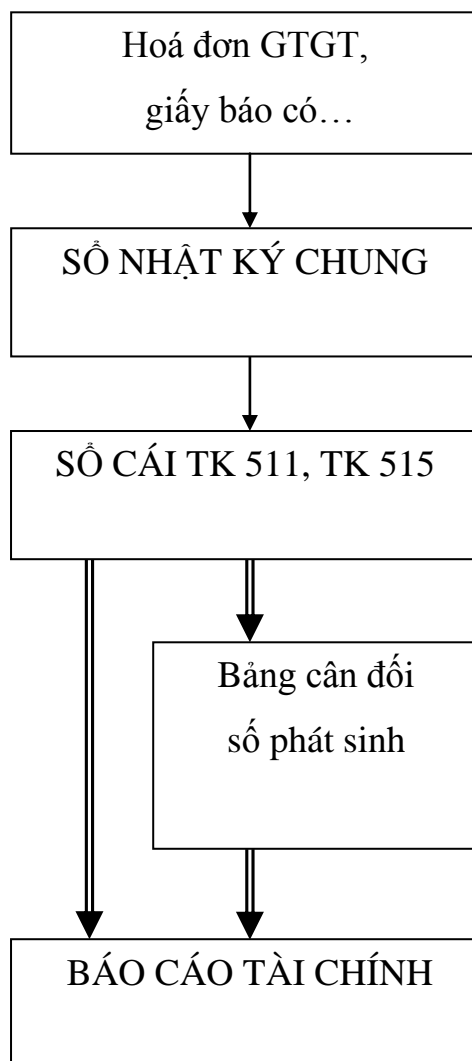
## 2.2.1.3 Sổ sách kế toán sử dụng tại Công ty

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 511, TK 515

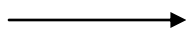
## 2.2.1.4 Trình tự ghi sổ kế toán tại Công ty

Kế toán hạch toán doanh thu bán hàng, doanh thu hoạt động tài chính theo hình thức nhật ký chung, tiến hành ghi sổ kế toán theo trình tự sau:

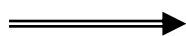
## Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu bán hàng, doanh thu HĐ TC:



*Ghi chú:*



: Ghi hàng ngày



: Ghi cuối năm

Hàng ngày căn cứ vào hóa đơn GTGT kế toán ghi số liệu vào sổ nhật ký chung. Sau đó, kế toán lấy số liệu từ sổ nhật ký chung để ghi sổ cái TK 511, TK 515.

Cộng số phát sinh ở sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh, tổng hợp số liệu lập BCTC.

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu số 2.1:

Đơn vị: Công ty cổ phần thương mại Chung Anh

Mẫu số S03a-DN

Địa chỉ: Số 20 Phan Bội Châu-Quang Trung

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Hồng Bàng-Hải Phòng

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

### SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm 2012

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang		...	...
...	...	...	...	...	...	...
28/09	PC56	28/09	Mua mỹ phẩm của công ty TNHH TM Hải Phương	156	14,772,252	
				1331	1,477,225	
				1111		16,249,477
...	...	...	...	...	...	...
15/10	GBN 63	15/10	Trả tiền mua mỹ phẩm cho công ty TNHH TH Việt Mỹ	331	99,454,218	
				1121		99,454,218
...	...	...	...	...	...	...
31/0	GBC 28	31/10	Lãi nhập vốn	1121	16,342	
				515		16,342
...	...	...	...	...	...	...
14/11	PX90	14/11	Giá vốn mỹ phẩm cho công ty CP TM DL Duyên Hải	632	5,236,800	
				156		5,236,800
...	...	...	...	...	...	...
14/11	PT78	14/11	Bán mỹ phẩm cho công ty CP TM DL Duyên Hải	1111	6,336,000	
				511		5,760,000
				3331		576,000
...	...	...	...	...	...	...
			Tổng cộng		26,782,600,208	26,782,600,208

Ngày 31/12/2012

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Người ghi sổ  
(Đã ký)

Kế toán trưởng  
(Đã ký)

Giám đốc  
(Đã ký tên, đóng dấu)

## Biểu số 2,2:

Đơn vị: Công ty cổ phần thương mại Chung Anh

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: Số 20 Phan Bội Châu-Quang Trung

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Hồng Bàng-Hải Phòng

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CÁI

### DOANH THU BÁN HÀNG TK511

Năm 2012

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			- Số dư đầu kì			
			- Số phát sinh trong tháng			
...	...	...	...	...	...	...
14/11	PT78	14/11	Bán mỹ phẩm cho công ty CP TM DL Duyên Hải	1111		5,760,000
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT 12	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	911	3,568,819,261	
...	...	...	...	...	...	...
			- Cộng số phát sinh		3,568,819,261	3,568,819,261
			- Số dư cuối			

Ngày 31/12/2012

Người ghi sổ  
(Đã ký)

Kế toán trưởng  
(Đã ký)

Giám đốc  
(Đã ký tên, đóng dấu)



# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu số 2,3:

Đơn vị: Công ty cổ phần thương mại Chung Anh

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: Số 20 Phan Bội Châu-Quang Trung

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Hồng Bàng-Hải Phòng

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CÁI

### DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH TK515

Năm 2012

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			- Số dư đầu kỳ			
			- Số phát sinh trong tháng			
...	...	...	...	...	...	...
31/10	GBC 28	31/10	Lãi nhập vốn	1121		16,342
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT13	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	1,802,040	
...	...	...	...	...	...	...
			- Cộng số phát sinh		1,802,040	1,802,040
			- Số dư cuối			

Ngày 31/12/2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký tên, đóng dấu)

### **2.2.2 Thực trạng công tác kế toán giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty cổ phần thương mại Chung Anh**

#### **2.2.2.1 Thực trạng công tác kế toán giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty cổ phần thương mại Chung Anh**

##### a) Chứng từ sử dụng tại Công ty

- Phiếu xuất kho
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Phiếu chi....

##### b) Cách lập chứng từ

Căn cứ trị giá xuất kho hàng hóa tính theo phương pháp bình quân liên hoàn sau mỗi lần nhập, rồi viết số liệu vào phiếu xuất kho, chuyển cho kế toán trưởng và giám đốc kí duyệt.

Chi phí phát sinh trong quá trình bán hàng: chi phí xăng xe, chi phí cước viễn thông... kế toán hạch toán vào chi phí bán hàng và làm tương tự với các chi phí phát sinh trong quản lý doanh nghiệp.

Sau đó, kế toán dựa hóa đơn các chi phí đó để lập phiếu chi phù hợp.

##### c) Ví dụ thực tế

- Ngày 14/11/2012, Bán hàng hóa mỹ phẩm cho công ty cổ phần thương mại du lịch Duyên Hải với giá bán cả thuế VAT 10% 6,336,000 đồng, giá vốn hàng bán là 5,236,800 đồng khách hàng đã thanh toán bằng tiền mặt.
- Ngày 08/10/2012, Công ty thanh toán cước dịch viễn thông với số tiền là 643,518 đồng.

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

ĐƠN VỊ: **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI CHUNG ANH**

Địa chỉ: **10 Nguyễn Trãi, Phường - Minh Khai - HB-Hà Nội**

Lý do xuất: **bán hàng hoa mỹ phẩm**

Xuất tại kho: **Số 1 Bến Bình**

## PHIẾU XUẤT KHO

Số: **90**

Ngày: **14** tháng **11** năm **2012**

Mẫu số: **02 - VT**

Theo QĐ: **15/2006/QĐ-BTC**

ngày **20** tháng **3** năm **2006**

của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

Số T.T	TÊN NHÂN HIỆU QUY CÁCH VẬT TƯ, HÀNG HÓA	Mã số	Đơn vị tính	SỐ LƯỢNG		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Sữa tắm dây thebel		dây	600	600	4.364	2.618.400
2	Dầu dưỡng tóc Olive		dây	600	600	4.364	2.618.400
Cộng:							5.236.800

Thủ trưởng đơn vị: **K.T trường**

Giám đốc: **Vũ Thị Văn Anh**

Xuất, ngày **14** tháng **11** năm **2012**

P.T cung tiêu

Người nhận: **Nguyễn Thị Hài Thị**

Thủ kho

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

0751789

**HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)**  
TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT)  
Liên 2: Giao cho người mua (Customer copy)

Mẫu số: 01GTKT2/001    VT01  
Ký hiệu (Serial No): AB/12P  
Số (No): 0751789

01020589092012

Mã số thuế: 02 00287977

Viễn thông Hải Phòng  
Địa chỉ: Số 5 Nguyễn Tri Phương - Hồng Bàng - Hải Phòng

Tên khách hàng (Customer's name): cty cổ phần tm chung anh  
Địa chỉ (Address): 20 Phan Bội Châu - Quang Trung - Hồng Bàng - HP  
Số điện thoại (Tel): 3746195    Mã số (code): HPG-01-020589 (T1QTR2)  
Hình thức thanh toán (Kind of Payment): TM/CK    MST: 02 00787627

STT(NO.)	DỊCH VỤ SỬ DỤNG (KIND OF SERVICE)	ĐVT (UNIT)	SỐ LƯỢNG (QUANTITY)	ĐƠN GIÁ (PRICE)	THÀNH TIỀN (AMOUNT) VND
1	Kỳ cước tháng: <b>09/2012</b> a. Cước dịch vụ Viễn thông b. Cước dịch vụ viễn thông không thuế: c. Chiết khấu + Đa dịch vụ d. Khuyến mại e. Trừ đặt cọc + trích thưởng + nợ cũ				615.016 0 -30.000 0 0
(a+b+c+d) Cộng tiền dịch vụ (Total) (1):					585.016
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10% $\times$ (1) =					Tiền thuế GTGT (VAT amount) (2):
(1+2)e) Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total) (1+2):					58.502 643.518

Số tiền viết bằng chữ (In words): Sáu trăm bốn mươi ba nghìn, năm trăm mười tám đồng

Người nộp tiền ký  
(Signature of payer)

Ngày...08...tháng...10...năm 20...12.  
Nhân viên giao dịch ký  
(Signature of dealing staff)

Đơn vị: 0203003960-CTCP

## PHIẾU CHI

Ngày: 08 tháng 10 năm 2012

Quyển số: 4  
Số: 42  
Số: 156.133  
Số: 111

Màu số 02-TT  
QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20 tháng 3 năm 2006  
của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

Họ tên người nhận tiền: Viễn Thông Hải Phòng  
Địa chỉ: 5 Nguyễn Tri Phương - Hồng Bàng - HP  
Ký và ghi rõ họ tên: Cước điện dịch vụ viễn thông

Số tiền: 643.518 (viết bằng chữ) Sáu trăm bốn mươi ba nghìn năm trăm mười tám đồng!

Kèm theo: 01 Chứng từ gốc

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ    KẾ TOÁN TRƯỞNG    THỦ QUỸ

Thị Văn Anh    Thị Văn Anh    Thị Văn Anh

Ngày 08 tháng 10 năm 2012

NGƯỜI NHẬN TIỀN    NGƯỜI LẬP PHIẾU

Dương    Nguyễn Thị Hoa

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu số 2.4:

Đơn vị: Công ty cổ phần thương mại Chung Anh

Mẫu số 11-LĐTL

Địa chỉ: Số 20 Phan Bội Châu-Quang Trung

Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC

Hồng Bàng-Hải Phòng

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

## Bảng phân bổ tiền lương

Tháng 10/ 2012

Ghi có các TK	TK 334- Phải trả người lao động			TK338-Phải trả, phải nộp khác				Tổng cộng
	Lương	Các khoản khác	Cộng có TK 334	Kinh phí công đoàn	Bảo hiểm xã hội	Bảo hiểm y tế	Cộng có TK 338	
Đối tượng sử dụng (ghi nợ các TK)								
TK 641- Chi phí bán hàng	12,500,000	1,500,000	14,000,000					14,000,000
TK 642- Chi phí QLDN	20,000,000	3,500,000	23,500,000					23,500,000
Cộng	23,500,000	14,000,000	37,500,000					37,500,000

Ngày 31/12/2012

Người ghi sổ  
(Đã ký)

Kế toán trưởng  
(Đã ký)

Giám đốc  
(Đã ký tên, đóng dấu)

### 2.2.2.2 Tài khoản sử dụng tại Công ty

- TK 632 : Giá vốn hàng bán
- TK 641 : Chi phí bán hàng
- TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp

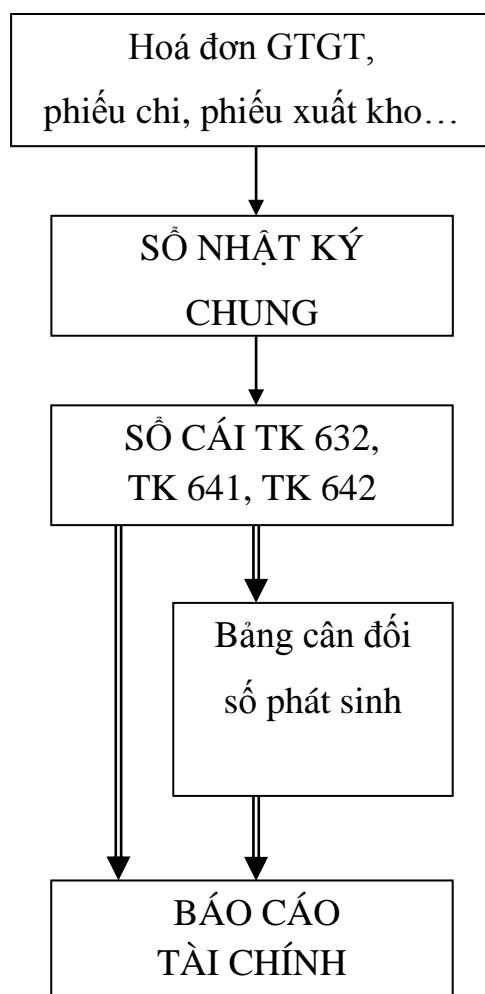
### 2.2.2.3 Sổ sách kế toán sử dụng tại Công ty

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 632, TK 641, TK 642

### 2.2.2.4 Trình tự ghi sổ kế toán tại Công ty

Hạch toán theo hình thức Nhật ký chung

## Sơ đồ 2.5: Trình tự ghi sổ kế toán giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp:



*Ghi chú:*

—————→ : Ghi hàng ngày

=====> : Ghi cuối năm

Hàng ngày căn cứ vào hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho, phiếu chi... kế toán ghi số liệu vào sổ nhật kí chung.

Sau đó, kế toán lấy số liệu từ sổ nhật kí chung để ghi sổ cái TK 632, TK 641, TK 642. Cộng số phát sinh ở sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh, tổng hợp số liệu lập BCTC.

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu số 2.5:

Đơn vị: Công ty cổ phần thương mại Chung Anh

Mẫu số S03a-DN

Địa chỉ: Số 20 Phan Bội Châu-Quang Trung

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Hồng Bàng-Hải Phòng

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm 2012

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang		...	...
...	...	...	...	...	...	...
08/10	PC62	08/10	Cước dịch vụ viễn thông	641	585,016	
				1331	58,502	
				1111		643,518
...	...	...	...	...	...	...
20/10	PC70	20/10	Mua văn phòng phẩm tại Siêu thị	642	202,900	
				1331	20,290	
				1111		223,190
...	...	...	...	...	...	...
31/10	BPBLT10	31/10	Trích quỹ lương bộ phận bán hàng	641	14,000,000	
				334		14,000,000
...	...	...	...	...	...	...
14/11	PX 90	14/11	Giá vốn hàng hóa mỹ phẩm cho công ty CP TM Duyên Hải	632	5,236,800	
				156		5,236,800
...	...	...	...	...	...	...
			Số chuyển sang trang sau		...	...

Ngày 31/12/2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký tên, đóng dấu)



# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu số 2.6:

Đơn vị: Công ty cổ phần thương mại Chung Anh

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: Số 20 Phan Bội Châu-Quang Trung

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Hồng Bàng-Hải Phòng

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CÁI

### GIÁ VỐN HÀNG BÁN TK 632

Năm 2012

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐU'	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			- Số dư đầu kỳ			
			- Số phát sinh trong tháng			
...	...	...	...	...	...	...
14/11	PX 90	14/11	Giá vốn hàng hóa mỹ phẩm cho công ty cổ phần thương mại Duyên Hải	156	5,236,800	
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT 14	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		3,239,193,737
...	...	...	...	...	...	...
			- Cộng số phát sinh		3,239,193,737	3,239,193,737
			- Số dư cuối			

Ngày 31/12/2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký tên, đóng dấu)

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu số 2.7:

Đơn vị: Công ty cổ phần thương mại Chung Anh

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: Số 20 Phan Bội Châu-Quang Trung

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Hồng Bàng-Hải Phòng

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CÁI

### CHI PHÍ BÁN HÀNG TK 641

Năm 2012

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHT KĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			- Số dư đầu kì			
			- Số phát sinh trong tháng			
...	...	...	...	...	...	...
08/10	PC62	08/10	Cước dịch vụ viễn thông	1111	585,016	
...	...	...	...	...	...	...
31/10	BPBLT10	31/10	Trích quỹ lương bộ phận bán hàng	334	14,000,000	
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT15	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng	911		210,184,639
...	...	...	...	...	...	...
			- Cộng số phát sinh		210,184,639	210,184,639
			- Số dư cuối			

Ngày 31/12/2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký tên, đóng dấu)

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu số 2.8:

Đơn vị: Công ty cổ phần thương mại Chung Anh

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: Số 20 Phan Bội Châu-Quang Trung

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Hồng Bàng-Hải Phòng

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CÁI

CHI PHÍ QLDN TK 642

Năm 2012

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			- Số dư đầu kỳ			
			- Số phát sinh trong tháng			
...	...	...	...	...	...	...
20/10	PC70	20/10	Mua văn phòng phẩm tại Siêu thị	1111	202,900	
...	...	...	...	...	...	...
31/10	BPBLT10	31/10	Trích quỹ lương bộ phận QLDN	334	23,500,000	
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT16	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng	911		105,092,320
...	...	...	...	...	...	...
			- Cộng số phát sinh		105,092,320	105,092,320
			- Số dư cuối			

Ngày 31/12/2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký tên, đóng dấu)

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

### 2.2.3 Thực trạng công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại Chung Anh

#### 2.2.3.1 Đặc điểm công tác xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại Chung Anh

Kế toán xác định kết quả kinh doanh dùng để xác định kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán.

Cuối kỳ căn cứ vào các sổ chi tiết, sổ cái các tài khoản, kế toán tiến hành kết chuyển doanh thu, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, doanh thu tài chính, chi phí tài chính, thu nhập khác, chi phí khác để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 2.2.3.2 Chứng từ sử dụng tại Công ty : Phiếu kế toán

Ví dụ thực tế:

### **Kết chuyển doanh thu thuần để xác định kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012**

#### **Biểu số 2.9:**

Đơn vị: Công ty cổ phần thương mại Chung Anh

Địa chỉ: Số 20 Phan Bội Châu - Quang Trung - Hồng Bàng - Hải Phòng

#### **Phiếu kế toán**

Số :12

Năm 2012

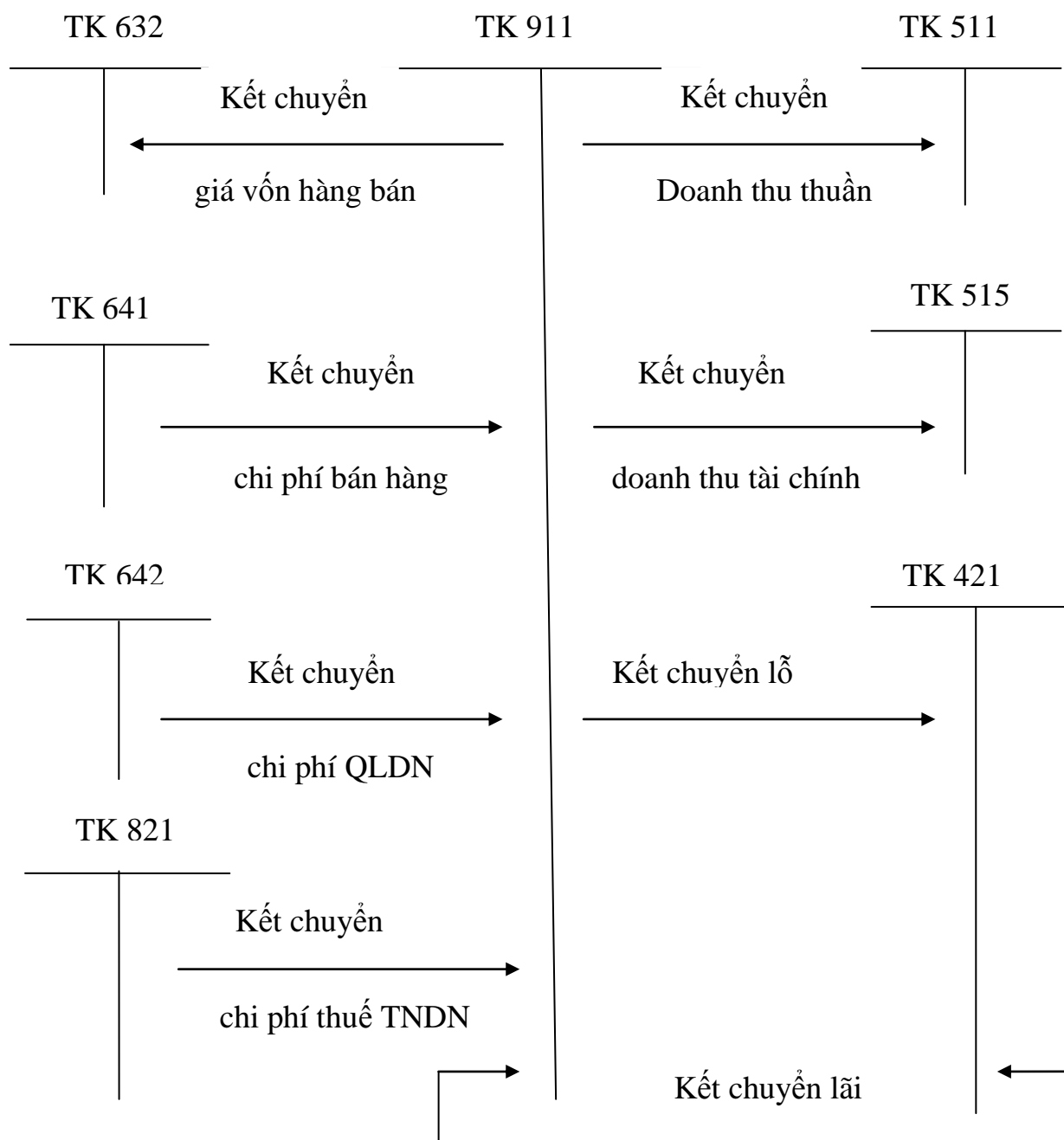
STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Chi tiết TK		
					TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển doanh thu thuần để xác định kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012	511	911	3,568,819,261			
	Cộng			3,568,819,261			

Ngày 31/12/2012

Kế toán trưởng  
(Đã ký)

Người lập biểu  
(Đã ký)

**Sơ đồ kế toán xác định kết quả kinh doanh:**



**2.2.3.3 Tài khoản sử dụng tại Công ty**

TK 911: xác định kết quả kinh doanh, TK 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp, TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối

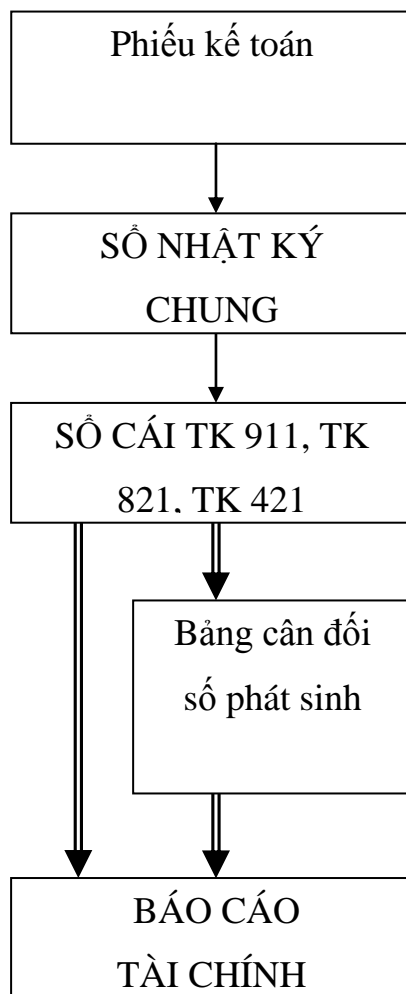
**2.2.3.4 Sổ sách kế toán sử dụng tại Công ty**

Sổ nhật ký chung, sổ cái TK 911, TK 821, TK 421

**2.2.3.5 Trình tự ghi sổ kế toán tại Công ty**

Hạch toán theo hình thức Nhật ký chung

**Sơ đồ 2.6: Trình tự ghi sổ kế toán xác định kết quả kinh doanh:**



*Ghi chú:*

—————> : Ghi hàng ngày  
=====> : Ghi cuối năm

Căn cứ vào phiếu kế toán, kế toán ghi số liệu vào sổ nhật ký chung.

Sau đó, kế toán lấy số liệu từ sổ nhật ký chung để ghi sổ cái TK 911, TK 821, TK 421. Cộng số phát sinh ở sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh, tổng hợp số liệu lập BCTC.

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu số 2.10:

Đơn vị: Công ty cổ phần thương mại Chung Anh

Mẫu số S03a-DN

Địa chỉ: Số 20 Phan Bội Châu-Quang Trung

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Hồng Bàng-Hải Phòng

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm 2012

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang		...	...
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT12	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	3,568,819,261	
				911		3,568,819,261
31/12	PKT13	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	1,802,040	
				911		1,802,040
31/12	PKT14	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	3,239,193,737	
				632		3,239,193,737
31/12	PKT15	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng	911	210,184,639	
				641		210,184,639
31/12	PKT16	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	105,092,320	
				642		105,092,320
31/12	PKT17	31/12	Xác định thuế TNDN phải nộp	821	4,037,651	
				3334		4,037,651
31/12	PKT18	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	4,037,651	
				821		4,037,651
31/12	PKT19	31/12	Kết chuyển LN sau thuế	911	12,112,954	
				421		12,112,954
			Tổng cộng		26,752,600,218	26,752,600,218

Ngày 31/12/2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký tên, đóng dấu)

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu số 2.11:

Đơn vị: Công ty cổ phần thương mại Chung Anh

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: Số 20 Phan Bội Châu-Quang Trung

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Hồng Bàng-Hải Phòng

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CÁI

### CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TK 821

Năm 2012

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			- Số dư đầu kỳ			
			- Số phát sinh trong tháng			
31/12	PKT17	31/12	Xác định thuế TNDN phải nộp	3334	4,037,651	
31/12	PKT18	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911		4,037,651
			- Cộng số phát sinh		4,037,651	4,037,651
			- Số dư cuối			

Ngày 31/12/2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký tên, đóng dấu)



# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu số 2.12:

Đơn vị: Công ty cổ phần thương mại Chung Anh

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: Số 20 Phan Bội Châu-Quang Trung

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Hồng Bàng-Hải Phòng

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CÁI

### XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TK 911

Năm 2012

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			- Số dư đầu kì			
			- Số phát sinh trong tháng			
31/12	PKT 12	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511		3,568,819,261
31/12	PKT 13	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		1,802,040
31/12	PKT 14	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	3,239,193,737	
31/12	PKT 15	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng	641	210,184,639	
31/12	PKT 16	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	642	105,092,320	
31/12	PKT 18	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	4,037,651	
31/12	PKT 19	31/12	Kết chuyển LN sau thuế	421	12,112,954	
			- Cộng số phát sinh		3,570,621,301	3,570,621,301
			- Số dư cuối			

Ngày 31/12/2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký tên, đóng dấu)

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu số 2.12:

Đơn vị: Công ty cổ phần thương mại Chung Anh

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: Số 20 Phan Bội Châu-Quang Trung

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Hồng Bàng-Hải Phòng

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CÁI

### LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI TK 421

Năm 2012

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			- Số dư đầu kì			<u>18,754,916</u>
			- Số phát sinh trong tháng			
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT 19	31/12	Kết chuyển LN sau thuế	911		12,112,954
			- Cộng số phát sinh		18,754,916	12,112,954
			- Số dư cuối			<u>12,112,954</u>

Ngày 31/12/2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký tên, đóng dấu)

**CHƯƠNG 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI CHUNG ANH**

**3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại Chung Anh**

Sau thời gian thực tập tại Công ty cổ phần thương mại Chung Anh, được tìm hiểu, tiếp xúc với thực tế công tác quản lý nói chung, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng em nhận thấy công tác quản lý cũng như công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đã tương đối hợp lý. Với mong muốn hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở công ty em xin mạnh dạn nêu ra một số nhận xét của bản thân về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở công ty như sau:

**3.1.1 Ưu điểm**

**3.1.1.1 Về tổ chức bộ máy kế toán**

Kế toán là một trong những công cụ quan trọng nhất của nhà nước và của doanh nghiệp. Kế toán là một bộ phận cấu thành nên hệ thống quản lý kinh tế tài chính của Công ty và là bộ phận quan trọng quyết định sự thành bại trong kinh doanh. Vì vậy, Công ty sớm nhận thấy vai trò của bộ máy kế toán trong việc giám sát, quản lý hoạt động kinh doanh:

- + ) Đội ngũ kế toán giỏi, tinh thông nghiệp vụ đặc biệt là kế toán trưởng có trình độ cao, am hiểu nhiều lĩnh vực đã cho ra những bản Báo Cáo Tài Chính phù hợp với mọi đối tượng
- + ) Phân chia công việc hợp lý, bố trí nguồn nhân lực phù hợp với yêu cầu công việc.

### 3.1.1.2 Về hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách sử dụng

#### a) Chứng từ kế toán:

Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ. Các chứng từ sử dụng theo đúng mẫu của Bộ tài chính ban hành, thông tin ghi chép đầy đủ, chính xác với nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các chứng từ được lưu giữ, bảo quản cẩn thận, Kế toán phần hành nào thì lưu giữ chứng từ của phần hành đó, không chồng chéo nhau, nguyên tắc phân công phân nhiệm rõ ràng. Quá trình luân chuyển chứng từ một cách hợp lý, Chứng từ từ khâu bán hàng sang phòng kế toán được thực hiện một cách khẩn trương, liên tục

#### b) Về hệ thống sổ sách:

Tổ chức hệ thống sổ kế toán là một nghệ thuật vận dụng hệ thống TK kế toán. Việc lựa chọn hình thức ghi sổ nào cho phù hợp với từng đơn vị phải tùy thuộc vào đặc điểm hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Công ty mở một hệ thống sổ sách hợp lý, hoàn chỉnh, gọn nhẹ, có độ tin cậy cao. Đặc biệt việc mở sổ tổng hợp tạo điều kiện cho việc kiểm tra đối chiếu số liệu được khách quan, nhanh chóng, thuận lợi trong việc phân tích hoạt động kinh tế.

### 3.1.1.3 Về bộ máy quản lý

Khi cơ chế thị trường thay đổi cũng là lúc Công ty gặp nhiều khó khăn về vốn, thị trường tiêu thụ nhưng với sự thay đổi về cung cách quản lý, tổ chức sản xuất kinh doanh, tìm kiếm bạn hàng mới... đã đem lại cho công ty một kết quả đáng mừng. Trong quá trình hoạt động, Công ty luôn khẳng định được vị trí của mình trên thị trường góp phần phát triển kinh tế nước nhà. Công ty thường xuyên cử cán bộ đi dự hội thảo khoa học, đi tập huấn tại Hà Nội về các buổi học chế độ mới (sửa đổi, bổ sung điều lệ) do Bộ tài chính ban hành. Chính vì vậy mà đội ngũ kế toán ngày càng nâng cao về trình độ, công tác kế toán trong Công ty không gặp khó khăn.

### 3.1.2 Hạn chế

a) *Hình thức kế toán đơn vị áp dụng chưa phù hợp với qui mô Công ty*

Công ty cổ phần thương mại Chung Anh có **vốn điều lệ là 1,200,000,000** đồng (trong đó mệnh giá cổ phần là 10,000 đồng số cổ phần đã góp là 120,000 cổ phần) với 12 lao động. Công ty là doanh nghiệp vừa và nhỏ nên việc áp dụng chế độ kế toán theo quyết định 15 là không phù hợp. Do Công ty là công ty Thương mại nên khi Công ty áp dụng chế độ kế toán theo quyết định 15 sẽ khiến cho hệ thống tài khoản của Công ty rườm rà, có những tài khoản không cần thiết như TK 621, 622, 627

b) *Chưa có chính sách chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán*

Công ty mới tập trung kinh doanh với các bạn hàng quen thuộc, thu hút đối tác bằng chất lượng sản phẩm tốt và một số sản phẩm độc quyền nhưng lại chưa có chính sách chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán. Điều này sẽ khiến cho Công ty thiếu hấp dẫn so một số Công ty kinh doanh cùng mặt hàng.

c) *Công ty chưa hạch toán chi tiết doanh thu bán hàng, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, xác định kết quả hoạt động kinh doanh theo từng mặt hàng.*

Công ty vẫn hạch toán doanh thu, chi phí chung cho tất cả các mặt hàng nên dẫn đến không theo dõi chi tiết doanh thu bán hàng, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp theo từng mặt hàng được. Điều này sẽ khiến cho việc theo dõi các thông tin liên quan tình hình kinh doanh của từng mặt hàng khó khăn hơn, công tác quản lý kinh doanh mất nhiều thời gian hơn, không hiệu quả.

d) *Thu hồi công nợ, trích lập dự phòng phải thu khó đòi của Công ty*

Công ty cần vốn để đáp ứng tiến độ, cung cấp cho khách hàng những sản phẩm có chất lượng cao, mở rộng mặt hàng kinh doanh. Nhưng vốn của Công ty lại chiếm dụng bởi khách hàng. Một số khách hàng mua hàng nhiều nhưng lại thanh toán chậm, nợ nhiều dẫn đến tồn đọng vốn. Tuy nhiên Công ty chưa tiến hành trích lập các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nên không lường trước rủi ro trong kinh doanh. Như

vậy là Công ty chưa quán triệt nguyên tắc thận trọng của kế toán. Điều này dễ gây đột biến chi phí kinh doanh, phản ánh sai lệch kết quả kinh doanh của kỳ đó.

*e) Công ty chưa hạch toán kế toán các khoản trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn cho người lao động.*

Để giảm các khoản chi phí, tăng lợi nhuận nên Công ty chưa có chính sách đóng các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn cho nhân viên của Công ty. Điều này sẽ khiến cho sự gắn kết của nhân viên với Công ty kém bền vững hơn, ảnh hưởng đến quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

*f) Công ty chưa áp dụng kế toán máy*

Hiện nay Công ty chưa áp dụng kế toán máy, việc sử dụng máy vi tính tại công ty chủ yếu là thiết lập văn bản, chứng từ... Do đó, công tác kế toán còn công kềnh, mất nhiều thời gian, không hiệu quả ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

### **3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại Chung Anh**

#### **3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện**

Trong cơ chế thị trường nhiều biến động như hiện nay cùng với sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp thì sự thành bại của một doanh nghiệp là điều tất yếu. Doanh nghiệp muốn duy trì tốt hoạt động của mình thì phải xác định phương hướng cũng như mục tiêu để từ đó có bước phát triển mới. Muốn vậy trước hết Công ty phải hoàn thiện đổi mới không ngừng công tác kế toán sao cho phù hợp với yêu cầu quản lý trong nền kinh tế thị trường như hiện nay vì kế toán trong công cuộc đổi mới không chỉ là công cụ quản lý mà trở thành bộ quản lý kinh tế, tài chính của doanh nghiệp.

Thông qua việc lập chứng từ, kiểm tra, tính toán, ghi chép, tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng các phương pháp khoa học có thể biết được những thông tin một cách chính xác, kịp thời, đầy đủ về sự vận động tài sản và nguồn hình thành tài sản, góp phần bảo vệ tài sản và sử dụng hợp lý tài sản của đơn vị mình. Hơn nữa, báo cáo tài chính còn cung cấp thông tin cho đối tượng quan tâm về tình hình tài chính của Công ty như nhà đầu tư, nhà quản lý, cơ quan thuế, Ngân hàng... để có những quyết định đầu tư đúng đắn trong tương lai.

Vì vậy điều quan trọng là các thông tin tài chính đưa ra trong các báo cáo kế toán tài chính phải có độ tin cậy cao và rõ ràng.

Điều quan trọng đối với các doanh nghiệp thương mại là làm sao thực hiện tốt việc luân chuyển vốn trong kinh doanh làm tăng vòng quay của vốn để từ đó duy trì tốt hoạt động kinh doanh của mình. Bởi vậy việc hoàn thiện kế toán doanh thu đang là một yêu cầu hiện nay đối với bất kỳ một doanh nghiệp thương mại nhằm nâng cao hiệu quả của hệ thống kế toán nói chung và kế toán tiêu thụ nói riêng, vì:

- Hoàn thiện quá trình này giúp cho khối lượng công việc kế toán được giảm nhẹ, hệ thống sổ sách đơn giản, dễ ghi chép, đối chiếu, xác định chính xác thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế... tạo điều kiện cho việc lên các báo cáo tài chính cuối kỳ đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin kinh tế cho các đối tượng quan tâm.

### **3.2.2. Yêu cầu hoàn thiện**

Quá trình này được hoàn thiện sẽ giúp cho việc tổ chức chứng từ ban đầu và quá trình luân chuyển chứng từ được dễ dàng, tiết kiệm được chi phí và thời gian tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kế toán cuối kỳ để phản ánh một cách chính xác, trung thực, đầy đủ tình hình kinh doanh của doanh nghiệp để từ đó xác định chính xác được hiệu quả của một kỳ kinh doanh và tình hình tài chính của doanh nghiệp và đưa ra phương hướng kinh doanh của kỳ tới. Căn cứ vào vai trò, chức năng và nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đồng thời đảm bảo tính khoa học hơn trong công tác kế toán thì việc hoàn thiện phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Hoàn thiện trên cơ sở phù hợp với đặc điểm kinh doanh, tổ chức sản xuất của doanh nghiệp mình sao cho đạt hiệu quả cao nhất.
- Hoàn thiện phải đảm bảo cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời, phù hợp với từng yêu cầu của nhà quản lý.
- Hoàn thiện phải hướng tới vận dụng chuẩn mực kế toán quốc tế vào quá trình hạch toán sao cho đơn giản, dễ hiểu mà lại phản ánh chính xác, đầy đủ tình hình tài chính của Công ty.
- Nguyên tắc hoàn thiện:

Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tuân thủ các quy định, các chế độ kế toán do Bộ tài chính ban hành:

- Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ tài chính về việc ban hành Chế độ Kế toán Doanh nghiệp vừa và nhỏ.
- Chuẩn mực kế toán số 01, 14, 17...
- Thông tư số 06/2012/TT-BTC Hướng dẫn về thuế GTGT...

Nhưng tuân thủ theo đúng chế độ cũng không phải là rập khuôn máy móc mà phải vận dụng linh hoạt, sáng tạo.

### ***3.2.3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh***

#### ***3.2.3.1 Ý kiến thứ nhất: Công ty nên áp dụng theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC***

Công ty có qui mô vốn và lao động của công ty vừa và nhỏ , Công ty nên áp dụng chế độ kế toán phù hợp theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC. Khi đó hệ thống tài khoản Công ty sử dụng sẽ ngắn gọn hơn có 51 tài khoản từ tài khoản loại 1 đến tài khoản loại 9 và có 5 tài khoản ngoài bảng. Khi đó chi phí bán hàng sẽ là TK 6421, chi phí quản lý doanh nghiệp sẽ là TK 6422, dự phòng phải thu khó đòi là TK 1592, chiết khấu thương mại là TK 5211, giảm giá hàng bán là TK 5213.



### 3.2.3.2 Ý kiến thứ hai: Áp dụng các chính sách chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán

Công ty nên áp dụng các chính sách chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán cho những khách hàng lớn, quen thuộc. Tùy từng loại mặt hàng mà công ty có thể áp dụng các chính sách giảm giá, chiết khấu phù hợp.

Với chính sách chiết khấu giảm giá hàng bán nên mở thêm

- Tài khoản 5211- Chiết khấu thương mại
- Tài khoản 52 13- Giảm giá hàng bán

*Chiết khấu thương mại:* là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế, hợp đồng mua bán hoặc các cam kết mua bán hàng.

Công ty có thể áp dụng chiết khấu thương mại trong một số trường hợp sau:

Đối với khách hàng lần đầu có mối quan hệ mua bán với công ty nhưng mua hàng với khối lượng lớn, công ty có thể áp dụng tỷ lệ chiết khấu cao hơn nhằm khuyến khích khách hàng có mối quan hệ thường xuyên hơn và thu hút các khách hàng đã có mối quan hệ mua bán với công ty, tạo lợi thế cạnh tranh với các doanh nghiệp khác kinh doanh cùng một mặt hàng.

Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng lần cuối cùng.

Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng hoặc khi số tiền chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hóa đơn bán hàng lần cuối cùng thì phải chi tiền chiết khấu thương mại cho người mua.

Khoản chiết khấu thương mại trong các trường hợp này được hạch toán vào TK 5211.

Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hóa đơn là giá đã giảm giá (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản tiền chiết khấu này không được hạch toán vào TK 5211.

Phương pháp hạch toán như sau:

Phản ánh số chiết khấu thương mại thực tế phát sinh trong kỳ, kế toán ghi:

Nợ TK5211-Chiết khấu thương mại (Số tiền đã trừ thuế GTGT phải nộp)

Nợ TK 3331-Thuế GTGT phải nộp

Có TK 111,112- Thanh toán ngay

Có TK 131-Phải thu của khách hàng

Cuối kỳ kết chuyển số tiền chiết khấu thương mại đã chấp nhận cho người mua sang TK511 để xác định doanh thu thuần

Nợ TK 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 5211-Chiết khấu thương mại

*Giảm giá hàng bán:* là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

Khi phát sinh nghiệp vụ giảm giá hàng bán, kế toán phản ánh:

Nợ TK 5213-Số tiền giảm giá cho hàng bán

Nợ TK 3331-Thuế GTGT phải nộp theo số tiền giảm giá

Có TK 111,112,131-Tổng số tiền trả lại hoặc giảm nợ cho khách hàng

Cuối kỳ hạch toán kết chuyển giảm giá hàng bán để điều chỉnh giảm doanh thu:

Nợ TK 511-Giảm giá hàng bán

Có TK 5213-Kết chuyển giảm giá hàng bán

Với các biện pháp khuyến mãi này có thể công ty không những giữ được các khách hàng truyền thống mà còn tăng được khối lượng khách hàng mới trong tương lai vì có sự ưu đãi của công ty trong việc bán hàng và thanh toán, giúp thúc đẩy quá trình tiêu thụ, tăng thêm năng lực cạnh tranh trên thị trường.

Việc mở thêm các tài khoản này góp phần hoàn thiện đầy đủ, cụ thể hơn nữa hệ thống tài khoản kế toán cho công ty, đáp ứng yêu cầu của hạch toán kế toán tiêu thụ.

3.2.3.3 Ý kiến thứ ba : Công ty nên theo dõi chi tiết về doanh thu bán hàng và lập báo cáo xác định kết quả hoạt động kinh doanh cho từng mặt hàng tại Công ty

Nhằm đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý và giúp ban lãnh đạo Công ty có thể đưa ra những quyết định chính xác đối với mặt hàng mà Công ty đang tiến hành kinh doanh thì kế toán phải xác định kết quả kinh doanh cho từng loại sản phẩm.

Việc xác định kết quả kinh doanh cho từng loại sản phẩm, hàng hóa sẽ giúp kế toán và các nhà quản trị thấy rõ những mặt hàng nào kinh doanh có lãi (lỗ) và thấy được chính xác số lợi nhuận mang lại hay số lỗ của từng mặt hàng sản xuất trong kỳ, để từ đó xác định được cơ cấu mặt hàng và đưa ra những chính sách cụ thể về việc có tiếp tục kinh doanh hay không kinh doanh mặt hàng nào, đẩy mạnh kinh doanh những mặt hàng nào trong tháng tiếp theo hoặc có biện pháp để giảm chi phí, nâng cao lợi nhuận của các mặt hàng mà Công ty đã và đang kinh doanh.

Để tính toán chi tiết kết quả kinh doanh của từng loại sản phẩm thì doanh nghiệp cần xác định doanh thu bán hàng, giá vốn hàng bán chi phí bán hàng (CPBH) và chi phí quản lý doanh nghiệp (CPQLDN) cho từng loại sản phẩm tiêu thụ.

Doanh nghiệp có thể tiến hành tính toán doanh thu bán hàng, giá vốn hàng bán và phân bổ CPBH, CPQLDN, xác định kết quả hoạt động kinh doanh cho từng sản phẩm tiêu thụ trong kì theo các công thức sau:

Doanh thu

bán hàng của sản phẩm A = Số lượng sản phẩm A X Đơn giá bán của sản phẩm A

Giá vốn

hàng bán của sản phẩm A = Số lượng sản phẩm A X Đơn giá xuất của sản phẩm A

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

$$\text{CPBH (CPQLDN) phân bổ cho sản phẩm A} = \frac{\text{Tổng CPBH (CPQLDN) phát sinh trong kỳ}}{\text{Tổng doanh thu bán hàng}} \times \text{Doanh thu bán hàng của sản phẩm A}$$

Kết quả bán hàng từng mặt hàng	Doanh thu thuần từng mặt hàng	Giá vốn hàng bán từng mặt hàng	CPBH Phân bổ cho từng mặt hàng	CPQLDN phân bổ cho từng mặt hàng
=	=	-	-	-

Cụ thể:

Ta có thể tính toán doanh thu bán hàng, giá vốn hàng bán và phân bổ CPBH và CPQLDN phát sinh trong kỳ cho từng sản phẩm, cụ thể sản phẩm sữa tắm dê ngọc trai 1200 g như sau:

+ Doanh thu bán hàng sữa tắm dê ngọc trai 1200 g :

$$493 \times 108,000 = 53,244,000 \quad (\text{đồng})$$

+ Giá vốn sữa tắm dê ngọc trai 1200 g :

$$493 \times 94,545 = 46,610,685 \quad (\text{đồng})$$

+ Phân bổ CPBH sữa tắm dê ngọc trai 1200 g :

$$260,655,531$$

---


$$\times 53,244,000 = 4,002,963 \quad (\text{đồng})$$

$$3,467,017,221$$

+ Phân bổ CPQLDN sữa tắm dê ngọc trai 1200 g:

$$105,092,320$$

---


$$3,467,017,221 \times 53,244,000 = 1,613,934 \quad (\text{đồng})$$

+ Kết quả bán hàng của sữa tắm dê ngọc trai 1200 g:

$$53,244,000 - 46,610,685 - 4,002,963 - 1,613,934 = 1,016,418 \quad (\text{đồng})$$

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Lập sổ chi tiết về doanh thu bán hàng theo từng mặt hàng:

## Biểu số 3.2

Đơn vị: Công ty cổ phần thương mại Chung Anh

Mẫu số S17-DNN

Địa chỉ: Số 20 Phan Bội Châu-Quang Trung

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Hồng Bàng-Hải Phòng

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Sản phẩm: Sữa tắm dê ngọc trai 1200 g

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	SH	NT			SL	ĐG	TT	Thuế	Khác
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
22/12	PC108	22/12	Xuất bán Sữa tắm dê ngọc trai 1200 g	1111	493	108,000	53,244,000	5,324,400	
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
			Cộng số phát sinh		...		...	...	...

Ngày 31/12/2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký tên, đóng dấu)

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Ta có mẫu bảng báo cáo chi tiết doanh thu bán hàng, giá vốn hàng bán, CPQLDN, CPBH, xác định kết quả hoạt động kinh doanh của từng mặt hàng như sau:

**Biểu số 3.4:** Báo cáo kết quả bán hàng theo từng mặt hàng

### Báo cáo kết quả bán hàng

Tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên hàng hóa. dịch vụ bán ra	Doanh thu bán hàng	Giá vốn hàng bán	Chi phí bán hàng	Chi phí QLDN	Kết quả Bán hàng
1	Sữa tắm dê ngọc trai 1200 g	53,244,000	46,610,685	4,002,963	1,613,934	1,016,418
2	Dầu xả Flowme 750 ml	7,908,784	6,780,784	594,594	239,731	293,675
...	...	...	...	...	...	...
	Cộng	...	...	...	...	...

Ngày 31/12/2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký tên, đóng dấu)

### 3.2.3.4 Ý kiến thứ tư: Công ty nên tăng cường thu hồi công nợ, trích lập dự phòng phải thu khó đòi tại Công ty

Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng và giảm mức tối đa những tổn thất về các khoản phải thu khó đòi có thể xảy ra đặc biệt là sự giảm giá của hàng hóa trong cơ chế thị trường nhiều biến động như hiện nay thì việc trích lập các khoản dự phòng là điều cần thiết vì:

- Các khoản nợ của khách hàng và giá trị hàng tồn kho là rất lớn nên nguy cơ giảm giá và mất khả năng thanh toán là rất dễ xảy ra
- Hơn nữa mặt hàng kinh doanh của Công ty chủ yếu là xe máy. Đây là mặt hàng có nhiều biến động do xâm nhập của hàng Trung Quốc với giá cả hợp lý mẫu mã đa dạng đặc biệt là sự thay đổi của chính sách kinh tế làm cho giá của mặt hàng này có thể thay đổi.
- Khách hàng Công ty là những khách hàng thường xuyên với hình thức thanh toán trả chậm nên việc thất thu là không thể tránh khỏi.

Do vậy, để đảm bảo phù hợp giữa doanh thu và chi phí trong kỳ, cuối mỗi niên độ kế toán trước khi lập các báo cáo tài chính kế toán phải tính số nợ có khả năng khó đòi dựa vào kinh nghiệm hoặc vào tình hình thực tế của khách hàng và dự đoán khả năng của thị trường để lập các khoản dự phòng.

Vì vậy, Công ty nên tính toán khoản nợ có khả năng khó đòi, tính toán lập dự phòng để đảm bảo sự phù hợp giữa doanh thu và chi phí trong kỳ.

Để lập các khoản dự phòng phải thu khó đòi, kế toán sử dụng TK1592- Dự phòng phải thu khó đòi và chi tiết cho từng khách hàng. Vào cuối niên độ kế toán, kế toán căn cứ vào các khoản nợ phải thu được xác định là không chắc chắn thu được thì phải trích lập các khoản dự phòng phải thu khó đòi:

Nợ TK 6422

Có TK1592

Để tính toán mức dự phòng khó đòi, Công ty phải phân loại tuổi nợ của các khoản nợ trên cơ sở số nợ thực và quy định mức trích lập theo Thông tư 288/2009 tính ra dự phòng nợ thất thu.

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

Theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009 hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng phải thu khó đòi như sau:

### **Biểu số 3.5:**

<b>Thời hạn thanh toán quá hạn (t)</b>	<b>Mức dự phòng cần trích lập</b>
6 tháng $\leq t < 1$ năm	30% giá trị nợ quá hạn
1 năm $\leq t < 2$ năm	50% giá trị nợ quá hạn
2 năm $\leq t < 3$ năm	70% giá trị nợ quá hạn



## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đối với các khoản nợ thất thu thì căn cứ vào các chứng từ sau: biên bản của hội đồng xử lý nợ, bản kê chi tiết khoản nợ khó đòi, quyết định của tòa án, giấy xác nhận của chính quyền địa phương đối với người nợ đã chết hoặc không có tài sản, lệnh truy nã hoặc xác nhận của cơ quan pháp luật đối với con nợ bỏ trốn hoặc đang bị truy tố, quyết định của cấp có thẩm quyền về xử lý số nợ không thu hồi được, kế toán tiến hành xóa sổ các khoản nợ không đòi được và theo dõi trong 5 năm. Khi tiến hành xóa sổ các khoản phải thu đồng thời phải theo dõi nợ phải thu, ngoài bút toán xóa sổ kế toán khó đòi đã xử lý trên TK 004.

- Nếu chưa lập dự phòng:

Nợ TK 6422

Có TK 131

- Nếu đã lập dự phòng:

Nợ TK 1592

Có TK 131

Đồng thời: Nợ TK 004 : Nợ khó đòi đã xử lý

Ta lập bảng theo dõi công nợ cho Công ty như sau:

**Biểu số 3.2:**

### Bảng theo dõi công nợ

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

STT	Khách hàng	Số tiền nợ	Hạn thanh toán	Thời gian quá hạn	Mức trích lập dự phòng
1	Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Phúc Hưng	52,786,600	15/12/2012	7 tháng	15,835,980
2	Công ty cổ phần thương mại du lịch Thanh Tú	78,525,360	15/5/2012	1 năm 2 tháng	39,262,680
	Cộng	131,311,960			55,098,660

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

Tiền hành trích lập dự phòng cho năm 2012:

Nợ TK 6422 : 55,098,660

Có TK 139 : 55,098,660

Điều này làm sai lệch thông tin trong báo cáo tài chính, dẫn tới ảnh hưởng không tốt đến các quyết định quản lý kinh doanh của doanh nghiệp.

*3.2.3.5 Ý kiến thứ năm: Công ty nên trích các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế,*

*Bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn cho người lao động*

Công ty nên đóng các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp kinh phí công đoàn cho người lao động, điều này sẽ giúp cho người lao động có khả năng gắn bó với Công ty lâu dài hơn, đóng góp sức lao động nhiều hơn và góp phần làm tăng doanh thu cho Công ty nhiều hơn nữa.

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006, căn cứ Luật Bảo hiểm y tế số năm 2008 và văn bản pháp luật khác có liên quan hiện hành, tỷ lệ các khoản trích theo lương bao gồm Bảo hiểm xã hội (BHXH), Bảo hiểm y tế (BHYT), Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) và Kinh phí công đoàn (KPCĐ) áp dụng cho năm 2012, 2013 như sau:

### **Biểu số 3.3:**

Tỷ lệ các khoản trích theo lương áp dụng năm 2012, năm 2013:

Các khoản trích theo lương	DN (%)	NLĐ (%)	Cộng (%)
1. BHXH	17	7	24
2. BHYT	3	1,5	4,5
3. BHTN	1	1	2
4. KPCĐ	2		2
Cộng (%)	23	9,5	32,5

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Khi đó ta lập bảng phân bổ tiền lương tháng 10/ 2012 như sau:

## Biểu số 2.4:

Đơn vị: Công ty cổ phần thương mại Chung Anh

Mẫu số 11-LĐTL

Địa chỉ: Số 20 Phan Bội Châu-Quang Trung

Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC

Hồng Bàng-Hải Phòng

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

## Bảng phân bổ tiền lương

Tháng 10/ 2012

Ghi có các TK	TK 334- Phải trả người lao động			TK338-Phải trả, phải nộp khác					Tổng cộng
	Lương	Các khoản khác	Cộng có TK 334	BHXXH	BHYT	BHTN	KPCĐ	Cộng có TK 338	
Đối tượng sử dụng (ghi nợ các TK)									
TK 6421- Chi phí bán hàng	12,500,000	1,500,000	14,000,000	3,000,000	562,500	250,000	280,000	4,092,500	18,092,500
TK 6422- Chi phí QLDN	20,000,000	3,500,000	23,500,000	4,800,000	900,000	400,000	470,000	6,570,000	30,070,000
Cộng	23,500,000	14,000,000	37,500,000	7,800,000	1,462,500	650,000	750,000	10,662,500	48,162,500

Ngày 31/12/2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký tên, đóng dấu)

### 3.2.3.6 Ý kiến thứ sáu: Công ty nên áp dụng kế toán máy trong hạch toán kế toán

Với khối lượng công việc ngày một nhiều hơn đòi hỏi các nhân viên kế toán phải làm nhiều hơn và mất nhiều thời gian hơn do đó một câu hỏi đặt ra là cần có một công cụ nào đó để có thể giảm bớt tối đa khối lượng công việc mang tính chất nghiệp vụ mà vẫn đảm bảo tính chính xác, kịp thời của thông tin kế toán. Sự phát triển của khoa học kỹ thuật đã có bước đột phá để có thể giải quyết bài toán này: đó là việc sử dụng máy vi tính với những phần mềm kế toán có tính năng rất tốt đảm bảo tính đúng đắn của công việc. Việc áp dụng kế toán máy sẽ giảm bớt tối đa khối lượng công việc, tiết kiệm được thời gian và lao động, đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ.

Với thực tế tại công ty, hàng hoá của công ty khá đa dạng do vậy những sai sót là không thể tránh khỏi. Vì vậy theo em, công ty cần nghiên cứu để có thể áp dụng những phần mềm kế toán hợp lý.

Trên thị trường hiện nay có nhiều phần mềm kế toán (Effect) phù hợp với Công ty Cổ phần thương mại Chung Anh.

## ❖ Phần mềm kế toán doanh nghiệp MetaData Accounting



Phần mềm kế toán MetaData Accounting được phát triển trên công nghệ tiên tiến, xử lý dữ liệu liên hoàn và khép kín, vì vậy số liệu nhập vào phần mềm luôn trong trạng thái nhất quán, mà vẫn đảm bảo tốc độ cập nhật chứng từ và đưa ra báo cáo nhanh nhất. Với nhiều tiện ích độc đáo, phần mềm kế toán MetaData đem lại hiệu quả cao nhất trong quá trình quản lý kế toán và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Ứng dụng được cấu trúc một cách khoa học, giúp người dùng làm việc thuận tiện nhất. Sản phẩm phù hợp cho hầu hết các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Thương mại, Dịch vụ, Sản xuất, Xây dựng, Xuất/Nhập khẩu, ... MetaData Accounting không những đáp ứng yêu cầu cơ bản về Quản lý Tài chính Kế toán của doanh nghiệp mà nó còn cung cấp cho Nhà Quản trị các Giải pháp Quản lý Toàn diện. Nghiệp vụ kinh tế phát sinh được cập nhật một lần tại các bộ phận kế toán khác nhau như bộ phận quản lý kho, bộ phận bán hàng, bộ phận kế toán, ... và được MetaData Accounting xử lý một cách xuyên suốt, tổng hợp số liệu thành các báo cáo đầu ra.

Chương trình được phát triển trên công nghệ tiên tiến mang tính chuyên nghiệp cao, sử dụng hệ cơ sở dữ liệu Client/Server InterBase/FireBird có thể chạy trên một máy độc lập hay trên mạng nội bộ LAN và Internet, cùng với khả năng lưu trữ và xử lý dữ liệu lớn (hàng triệu phát sinh ...) đáp ứng nhiều người cùng sử dụng một lúc. Phù hợp với hầu hết các Doanh nghiệp có quy mô lớn nhỏ khác nhau, xa cách về mặt địa lý.

- Thỏa mãn Tiêu chuẩn Phần mềm Kế toán theo thông tư Số 103/2005/TT-BTC của Bộ Tài chính Hướng dẫn tiêu chuẩn và điều kiện của phần mềm kế toán.
- Sử dụng font Unicode, tuân thủ quy định của Chính phủ theo Tiêu chuẩn TCVN 6909:2001
- Luôn cập nhật kịp thời các thay đổi mới nhất về chế độ kế toán và báo cáo thuế:
  - + Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
  - + Quyết định 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
- Hỗ trợ Hình thức sổ kế toán:
  - + Kế toán máy
  - + Nhật ký Chung
  - + Nhật ký – Chứng từ
- Chạy trên các hệ điều hành Windows 2000/NT/XP/Vista/Win7

### ❖ Giải pháp ERP Fast Business.

Với vai trò là trung tâm lưu trữ các thông tin về tài chính kế toán của toàn bộ hệ thống, giải pháp quản lý tài chính kế toán của phần mềm, giải pháp ERP Fast Business quản lý tất cả các vấn đề liên quan đến kế toán, từ dòng lưu chuyển tiền tệ, kế toán tổng hợp, lập các báo cáo tài chính đến tài sản cố định. Nó giúp doanh nghiệp giảm bớt các công đoạn nhập liệu và có nhiều thời gian hơn để phân tích các số liệu kế toán, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Với giải pháp này, doanh nghiệp có tất cả các thông tin cần thiết để lập kế hoạch tài chính chính xác, ra quyết định xử lý kịp thời và hợp lý.

Giải pháp quản lý tài chính kế toán liên quan đến các phân hệ chức năng sau:

- Kế toán tổng hợp.
- Kế toán vốn bằng tiền (tiền mặt, tiền gửi, tiền vay).
- Kế toán công nợ phải thu.
- Kế toán công nợ phải trả.
- Kế toán hàng tồn kho.

- Kế toán tài sản cố định.
- Kế toán công cụ dụng cụ.
- Kế toán giá thành.
- Kế toán đơn vị chủ đầu tư.

Phân hệ kế toán tổng hợp là trung tâm tiếp nhận dữ liệu từ tất cả các phân hệ khác, trên cơ sở đó lập ra các báo cáo về tài chính - kế toán của doanh nghiệp: bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động SXKD, báo cáo dòng tiền... Chương trình cho phép người sử dụng tự tạo các báo cáo tài chính và các báo cáo phân tích theo yêu cầu.

Phân hệ kế toán vốn bằng tiền góp phần quản lý thu chi chặt chẽ, chính xác, rõ ràng. Giao diện thân thiện với người dùng và hàng loạt các tính năng khác cho phép xử lý hiệu quả việc thu tiền của khách hàng, thanh toán với nhà cung cấp, theo dõi các khế ước vay và các thu chi khác. Các tiện ích và tính năng của phân hệ này sẽ được khai thác tối đa khi nó được kết nối với phân hệ kế toán công nợ phải thu, kế toán công nợ phải trả của Fast Business.

Trong phân hệ kế toán công nợ phải thu, chức năng theo dõi công nợ và các báo cáo chi tiết của chương trình không chỉ giúp cho việc quản lý công nợ của khách hàng dễ dàng hơn mà còn góp phần quản lý dòng tiền hiệu quả hơn, thúc đẩy việc thu tiền một cách nhanh chóng. Các tiện ích và tính năng của phân hệ này sẽ được khai thác tối đa khi nó được kết nối với phân hệ quản lý bán hàng của Fast Business.

Phân hệ kế toán công nợ phải trả quản lý hiệu quả việc thanh toán công nợ phải trả, đảm bảo tận dụng tối đa các điều kiện tín dụng mà nhà cung cấp dành cho doanh nghiệp. Tính năng tra cứu linh hoạt và các báo cáo quản trị chi tiết giúp người sử dụng tìm kiếm nhanh chóng các thông tin về công nợ và ra các quyết định thanh toán hợp lý và có lợi nhất cho doanh nghiệp. Việc kết nối phân hệ này với phân hệ quản lý mua hàng của Fast Business sẽ tăng hiệu quả tổng thể.

Phân hệ kế toán tài sản cố định lưu trữ các thông tin cần thiết về tài sản cố định từ thời điểm mua đến khi thanh lý: nguyên giá, giá trị hao mòn, giá trị còn lại, nguồn vốn hình thành, số năm khấu hao, bộ phận/ mục đích sử dụng... Chương trình cho phép người sử dụng tính khấu hao tài sản theo nhiều phương pháp khác nhau, phù hợp với các chuẩn mực kế toán được ban hành.

Phân hệ kế toán giá thành tập hợp và phân tích chi phí bán hàng, chi phí quản lý và tính giá thành sản phẩm. Phân hệ này là công cụ hiệu quả để tính giá thành các công trình xây lắp và các sản phẩm công nghiệp (sản xuất liên tục hoặc sản xuất theo đơn đặt hàng). Chương trình có thể được chỉnh sửa để phù hợp với bài toán đặc thù của từng doanh nghiệp.



## KẾT LUẬN

Ngày nay, với sự phát triển vượt bậc của nền kinh tế, sự chuyên môn hoá trong các hoạt động ngày càng sâu sắc. Kinh doanh thương mại đã khẳng định được vị trí không thể thiếu trong nền kinh tế chứ không đơn thuần chỉ là một hoạt động hỗ trợ cho các nhà sản xuất như trước kia. Lĩnh vực này đã là cầu nối nền kinh tế của một quốc gia nói riêng và của thế giới nói chung thành một khối thị trường thống nhất, vì vậy mà người ta không ngừng tìm kiếm và hoàn thiện hơn nữa các công cụ quản lý nhằm phát huy được hết thế mạnh của ngành này.

Trong điều kiện nền kinh tế nước ta chuyển sang nền kinh tế hàng hoá có sự tham gia của nhiều thành phần. Với nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước, thì việc hạch toán kết quả sản xuất kinh doanh càng có ý nghĩa quan trọng, giúp người quản trị doanh nghiệp có những quyết định đúng đắn trong việc sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Dưới góc độ là sinh viên kế toán, em nghĩ rằng không những nắm vững về mặt lý luận mà còn hiểu sâu sắc về thực tiễn nhằm nâng cao hiệu quả kế toán.

Qua quá trình học tập ở nhà trường và thời gian thực tập tại Công ty cổ phần thương mại Chung Anh, là đi đôi với việc học tập nghiên cứu lý luận thì việc tìm hiểu thực tế cũng là một giai đoạn hết sức quan trọng không thể thiếu được. Mặt khác, thời gian thực tập còn tạo điều kiện cho em hiểu đúng hơn, sâu sắc hơn những kiến thức mình đã có, bổ sung thêm những kiến thức mới đã qua công tác thực tế.

Trong quá trình thực tập tại Công ty cổ phần thương mại Chung Anh và viết chuyên đề tốt nghiệp. Được sự hướng dẫn chỉ bảo tận tình, tận tâm của giảng viên Ts. Nguyễn Thị My, các anh chị trong cơ quan. Đặc biệt là phòng kế toán Công ty, em đã hoàn thành bài viết với đề tài: “Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại Chung Anh”.

Trong bài viết này, em cũng mạnh dạn trình bày một số ý kiến với nguyện vọng để công ty tham khảo, nhằm hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở công ty. Em hy vọng rằng trong thời gian không xa, công ty sẽ đạt được nhiều thành tích hơn nữa.

Do trình độ và kiến thức bản thân còn hạn chế, nên trong bài viết này không thể tránh khỏi những sai sót và hạn chế nhất định. Em rất mong nhận được sự giúp đỡ, đóng góp, chỉ bảo của các thầy cô giáo và các anh chị để chuyên đề của em được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa, em xin cảm ơn thầy cô giáo đã dạy bảo tận tình, em xin chân thành cảm ơn sự tận tâm, nhiệt tình của giảng viên Ts. Nguyễn Thị My, sự giúp đỡ của các anh chị trong phòng Kế toán tài chính ở Công ty cổ phần thương mại Chung Anh đã giúp em hoàn thành chuyên đề này!

Em xin chân thành cảm ơn!

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Kế toán tài chính (NXB Thống Kê)
2. Giáo trình Kế toán tài chính – Trường Đại học Tài chính – Kế toán HN
3. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của bộ trưởng Bộ Tài Chính
4. Chế độ kế toán doanh nghiệp (quyển 1 và quyển 2)
5. Lý thuyết và thực hành kế toán (NXB Tài Chính Hà Nội)
6. Các sổ sách, chứng từ kế toán tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ tổng hợp Thanh Tùng
7. Các khoá luận năm trước
8. Hướng dẫn thực hành chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ (TS. Phạm Duy Đoàn – NXB Tài Chính)